

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO THU NHẬP CHO HỘ NÔNG DÂN
XÃ MINH HẠC, HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

MÃ NGÀNH: 7620115

Giáo viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Tuyết

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Đăng Vũ

Lớp : K61- KTNN

Khóa học : 2016 - 2020



Hà Nội, 2020

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chương trình đào tạo hệ đại học khóa học 2016 – 2020, được sự đồng ý của trường Đại học Lâm nghiệp, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh và giáo viên hướng dẫn em đã hoàn thiện được đề tài tốt nghiệp: “Giải pháp nâng cao thu nhập cho hộ nông dân xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ”.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn, sự kính trọng sâu sắc tới ThS. Trần Thị Tuyết người đã trực tiếp hướng dẫn, dìu dắt, chỉ bảo những kiến thức về chuyên môn thiết thực và những chỉ dẫn khoa học quý giá trong suốt quá trình triển khai, nghiên cứu và hoàn thành đề tài. Ngoài ra tôi xin cảm ơn tới tất cả các cô, chú, anh, chị công tác tại Ủy Ban Nhân Dân xã Minh Hạc đã tận tình cung cấp thông tin, tạo điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thiện khóa luận.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn các thầy, cô khoa Kinh tế và Quản Trị Kinh Doanh – Đại Học Lâm Nghiệp đã hết lòng giúp đỡ và truyền đạt những kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường, tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè đã động viên giúp đỡ tôi trong thời gian qua.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Đăng Vũ



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG	vi
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
1.2. Mục tiêu nghiên cứu của khóa luận	2
1.2.1. Mục tiêu chung.....	2
1.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	2
1.3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
1.4 Nội dung nghiên cứu.....	2
1.5 Phương pháp nghiên cứu.....	3
1.5.1 Phương pháp thu thập số liệu.....	3
1.5.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu	3
1.6 Kết cấu khóa luận.....	4
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KINH TẾ HỘ VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CHO HỘ NÔNG DÂN	5
1.1. Cơ sở lý luận về hộ và hộ nông dân	5
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về hộ và hộ nông dân	5
1.1.2. Thu nhập của hộ nông dân.....	6
1.1.3. Đặc điểm của hộ và kinh tế hộ	6
1.1.4. Những đặc trưng cơ bản của kinh tế hộ nông dân.....	7
1.1.5. Phân loại hộ nông dân	8
1.2. Cơ sở lý luận về thu nhập và nâng cao thu nhập hộ nông dân.....	9
1.2.1. Khái niệm về thu nhập và nâng cao thu nhập hộ nông dân.....	9
1.2.2. Nội dung và phương pháp tính thu nhập cho hộ nông dân	12
1.2.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới thu nhập và nâng cao thu nhập hộ nông dân	14
1.2.4. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu.....	17

CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA XÃ MINH HẠC, HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ	19
2.1. Điều kiện tự nhiên xã Minh Hạc	19
2.1.1. Vị trí địa lý	19
2.1.2. Địa hình.....	19
2.1.3. Khí hậu.....	19
2.1.4. Tình hình sử dụng đất	20
2.1.5. Các nguồn tài nguyên khác	22
2.2. Tình hình kinh tế trên địa bàn xã	23
2.3. Tình hình xã hội trên địa bàn xã Minh Hạc.....	25
2.3.1 Đặc điểm dân số, lao động.....	25
2.3.2. Văn hóa, giáo dục	27
2.3.3. Cơ sở hạ tầng.....	28
2.4. Những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Minh Hạc.....	29
2.4.1. Thuận lợi	29
2.4.2. Khó khăn	29
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN	30
3.1 Kết quả sản xuất ngành nông nghiệp trên địa bàn xã Minh Hạc.....	30
3.1.1 Tình hình sản xuất ngành nông nghiệp	32
3.2 Phân tích thu nhập của hộ nông dân xã qua phiếu điều tra	36
3.2.1 Thông tin chung về hộ điều tra	36
3.2.2. Phân tích chi phí sản xuất của hộ điều tra	37
3.2.3 Tình hình lao động và nhân khẩu của các hộ điều tra.....	38
3.2.4. Tình hình đất đai của các hộ điều tra	38
3.2.5. Tình hình vốn sản xuất	40
3.2.6 Tình hình thu nhập của các hộ điều tra	41
3.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ	44
3.3.1. Trình độ học vấn, nguồn gốc và thành phần dân tộc của chủ hộ	44

3.3.2. Quy mô các yếu tố sản xuất đến thu nhập về nông lâm - nghiệp của hộ	44
3.3.3. Ảnh hưởng của yếu tố thị trường đến thu nhập của hộ	45
3.4. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn trong thu nhập của hộ nông dân tại xã Minh Hạc hiện nay.....	47
3.4.1. Thuận lợi	47
3.4.2. Khó khăn	48
3.5. Các giải pháp phát nâng cao thu nhập hộ nông dân xã Minh Hạc.	49
3.5.1. Nhóm giải pháp về đất đai	49
3.5.2. Nhóm giải pháp về vốn.....	50
3.5.3. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.....	50
3.5.4. Nhóm giải pháp về khoa học kỹ thuật.....	51
3.5.5. Nhóm giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.....	52
3.5.6. Nhóm giải pháp về chính sách	53
KẾT LUẬN.....	54
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	



DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
CP	Chi phí
CN-TTCN	Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp
ĐVT	Đơn vị tính
HĐSXNN	Hoạt động sản xuất nông nghiệp
QĐ	Quyết định
SX	Sản xuất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
TM-DV	Thương mại – Dịch vụ
TN	Thu nhập
UBND	Ủy ban nhân dân



DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1 Tình hình sử dụng đất xã Minh Hạc năm 2019	21
Bảng 2.2 Kết quả sản xuất kinh doanh các ngành kinh tế ở xã Minh Hạc	24
Bảng 2.3 Tình hình dân số và lao động của xã 3 năm từ 2017 – 2019	26
Bảng 3.1 Kết quả phát triển nông - lâm nghiệp, thủy sản của xã Minh Hạc ..	31
Bảng 3.2 Diện tích các loại cây trồng chủ yếu của xã Minh Hạc	33
Bảng 3.3 Năng suất các loại cây trồng chủ yếu của xã.....	34
Bảng 3.4 Số lượng một số loại vật nuôi trên địa bàn huyện qua 3 năm.....	35
Bảng 3.5: Đặc điểm các nhóm hộ được khảo sát	36
Bảng 3.6 Chi phí sản xuất nông - lâm nghiệp của hộ năm 2019.....	37
Bảng 3.7 Tình hình về lao động và nhân khẩu của hộ điều tra năm 2019	38
Bảng 3.8 Phân bố tỷ lệ đất đai của nông hộ điều tra năm 2019.....	39
Bảng 3.9 Tình hình vốn của các hộ điều tra	40
Bảng 3.10 Tổng thu nhập các hộ nông dân xã Minh Hạc năm 2019.....	42
Bảng 3.11 Thu nhập bình quân theo lao động và nhân khẩu	43
Bảng 3.12 Phương thức tiêu thụ một số sản phẩm của hộ điều tra	46



ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Nâng cao thu nhập cho các hộ dân có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế, nhất là trong nông nghiệp. Ở Việt Nam, kinh tế hộ gia đình lại càng có ý nghĩa to lớn, bởi vì nước ta bước vào nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường trên nền tảng gần 65% dân số đang sinh sống ở nông thôn. Hiện nay, có hiện tượng một bộ phận hộ gia đình thu nhập cao, tập trung ở thành thị, mức sống và nhu cầu tiêu dùng chênh lệch cao gấp nhiều lần so với những hộ dân sống ở nông thôn, miền núi. Đây là vấn đề cần được quan tâm giải quyết để hạn chế sự chênh lệch trong mặt bằng chung phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để nâng cao thu nhập cho các hộ dân ở khu vực miền núi?

Huyện Hạ Hòa với mục tiêu đẩy mạnh sản xuất, nâng cao thu nhập, công cuộc phát triển kinh tế được huyện chỉ đạo quyết liệt, trong đó tập trung làm tốt công tác dồn đổi, tích tụ ruộng đất nông nghiệp, từ đó hình thành những cánh đồng liền vùng, liền thửa, thuận lợi cho việc canh tác, phát triển mô hình sản xuất quy mô lớn. Đồng thời thông qua các chương trình, dự án được hỗ trợ, huyện đã lồng ghép chuyển giao tiến bộ, khoa học kỹ thuật, từng bước xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo chuỗi liên kết bền vững, mà nòng cốt là các hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, các doanh nghiệp đầu tư tại vùng nông thôn. Trên địa bàn huyện đã có nhiều mô hình, dự án áp dụng công nghệ cao mang lại hiệu quả kinh tế góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho các hộ dân. Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm còn 9,3%.

Minh Hạc là một xã miền núi của huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, trong những năm qua cùng với sự phát triển kinh tế chung của cả nước, đời sống kinh tế xã hội của nhân dân trong xã đã đạt được những thành tựu nổi bật. Tuy nhiên, vốn là xã miền núi, đất đai rộng lớn, trình độ sản xuất thấp, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, vấn đề khai thác các tiềm năng kinh tế và sử dụng các nguồn lực của hộ nông dân chưa triệt để. Vì vậy mà thu nhập của các hộ không cao, nhiều hộ gia đình còn gặp khó khăn, thu nhập thấp. Thực trạng thu nhập hiện nay của

các hộ dân trên địa bàn xã là như thế nào? Thu nhập chính của các hộ bằng những nguồn nào? Yếu tố nào ảnh hưởng tới thu nhập của các hộ? xuất phát từ những vấn đề trên tôi quyết định chọn đề tài: “*Giải pháp nâng cao thu nhập cho hộ nông dân xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ*”.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu của khóa luận

1.2.1. Mục tiêu chung

Phân tích thực trạng thu nhập hộ nông dân xã Minh Hạc từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho hộ nông dân trên địa bàn trong thời gian tới.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về nâng cao thu nhập cho hộ nông dân;
- Đánh giá thực trạng thu nhập cho hộ nông dân trên địa bàn xã;
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới thu nhập của hộ nông dân;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho hộ dân xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

1.3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* thực trạng thu nhập kinh tế hộ nông dân xã Minh Hạc , huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ .

- *Phạm vi nghiên cứu:*

- + Về nội dung: Do giới hạn về thời gian đề tài chỉ nghiên cứu nhóm đối tượng hộ nông nghiệp.
- + Về không gian: xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
- + Về thời gian: Số liệu thu thập trong 3 năm từ 2017 đến 2019. Số liệu sơ cấp thu thập trong năm 2020

1.4 Nội dung nghiên cứu

- + Cơ sở lý luận về nâng cao thu nhập hộ nông dân;
- + Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của xã Minh Hạc;
- + Thực trạng thu nhập hộ nông dân xã Minh Hạc;
- + Các yếu tố ảnh hưởng tới thu nhập của hộ dân trên địa bàn xã;
- + Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao thu nhập hộ nông dân xã Minh Hạc.

1.5 Phương pháp nghiên cứu

1.5.1 Phương pháp thu thập số liệu

- Số liệu thứ cấp

Tài liệu thu thập từ các ban ngành của xã: tình hình đất đai, đất sản xuất nông nghiệp; điều kiện tự nhiên, vị trí, địa hình, dân số, tình hình sản xuất kinh doanh 3 năm (2017-2019).

- Số liệu sơ cấp

Chọn điểm nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, địa điểm nghiên cứu phải đại diện cho vùng nghiên cứu về các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, môi trường, văn hóa,.. Căn cứ vào đặc điểm của huyện Hạ Hòa nên tôi chọn xã Minh Hạc đại diện cho vùng nghiên cứu để điều tra thông tin.

Chọn mẫu điều tra: Sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng, căn cứ vào danh sách hộ nông dân trên địa bàn tiến hành phân loại hộ theo tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ không nghèo.

Chọn mẫu nghiên cứu được tính theo công thức sau:

$$n = N / (1 + N \times e^2)$$

Trong đó:

N: là tổng thể mẫu

n: là số mẫu cần thiết điều tra

e: là mức ý nghĩa thống kê

Tính đến hết năm 2019, xã có tổng số 806 hộ, ta tính được số mẫu cần thiết điều tra là: 90 mẫu với $e=10\%$; Trong đó số hộ nghèo và cận nghèo cần điều tra là 30 hộ nghèo, 15 hộ cận nghèo còn lại là 45 hộ không nghèo.

1.5.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Phương pháp phân tích số liệu

Thống kê mô tả, thống kê so sánh: Dùng để mô tả và so sánh các số liệu về diện tích, dân số, lao động qua các năm; Thu thập các chỉ tiêu về giá trị sản xuất, chi phí sản xuất để thấy được thực trạng phát triển kinh tế các hộ trên địa bàn, những số liệu phản ánh tình hình thay đổi thu nhập của các hộ trên địa bàn; những thông tin phản ánh tình hình thu nhập của hộ nông dân ở địa

phương. Những chỉ tiêu phản ánh kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tác động của quá trình chuyển đổi cơ cấu đến phát triển kinh tế hộ trên địa bàn xã.

Xử lý số liệu

Toàn bộ số liệu điều tra được xử lý trên phần mềm Excel.

1.6 Kết cấu khóa luận

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kinh tế hộ và nâng cao thu nhập cho hộ nông dân.
- Chương 2: Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.
- Chương 3: Kết quả nghiên cứu và thảo luận



CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KINH TẾ HỘ

VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CHO HỘ NÔNG DÂN

1.1. Cơ sở lý luận về hộ và hộ nông dân

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về hộ và hộ nông dân

- Khái niệm về hộ

Hiện nay còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về hộ như:

Tại hội thảo về quản lý nông trại tại Hà Lan năm 1980 trên quan điểm sản xuất đến các đại biểu thống nhất cho rằng:

“Hộ là đơn vị cơ bản của xã hội có liên quan tới sản xuất, tái sản xuất, đến tiêu dùng và các hoạt động xã hội khác”.

Về phương diện thống kê Liên Hợp Quốc cho rằng:

“Hộ là những người sống chung dưới một mái nhà, cùng ăn chung và có chung ngân quỹ”.

Khi nghiên cứu quá trình đô thị hóa Châu Á, GS.MC.GEE (1989) nguyên giám đốc học viện Châu Á thuộc đại học Colombia – Hoa Kỳ có quan điểm thiên về thu nhập. Theo ông, thành viên của hộ không nhất thiết phải là sống chung dưới một mái nhà miễn là họ có đóng góp vào ngân quỹ chung.

Dưới góc độ nhân chủng học RAUL(1989) khẳng định: “Hộ là tập hợp những người chung huyết tộc có quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình sáng tạo ra sản phẩm để bảo tồn chính mình”.

Theo GS. Đào Thế Tuấn (1996): “Hộ là một nhóm người cùng chung huyết tộc sống chung hay không sống chung với những người khác huyết tộc trong cùng một mái nhà. Ăn chung và có chung ngân quỹ, có phân phối chung nguồn thu nhập mà các thành viên của hộ sáng tạo ra”.

Trên thực tế, cũng có sự thống nhất về khái niệm hộ, song với các ý kiến nêu trên, khái niệm hộ được khái quát như sau: “*Hộ là nhóm người chung huyết tộc hoặc không chung huyết tộc, họ không nhất thiết phải sống chung dưới một mái nhà nhưng có chung nguồn thu nhập và ăn chung. Các thành viên của hộ cũng tiến hành các hoạt động sản xuất và có cùng chung ngân quỹ*”.

- Khái niệm hộ nông dân

Hộ nông dân là hình thức tổ chức kinh tế cơ sở của nền sản xuất xã hội. Trong đó, các nguồn lực đất đai, lao động, tiền vốn và tư liệu sản xuất được coi là của chung để tiến hành sản xuất.

Hộ nông dân (nông hộ) là hộ có phương tiện kiếm sống từ ruộng đất, lao động chủ yếu là thành viên trong gia đình. Là đơn vị nhỏ lẻ của nền kinh tế được đặc trưng bởi sự tham gia từng phần vào thị trường với mức độ hoàn hảo không cao.

Theo tác giả Đào Thế Tuấn (1997): “Hộ nông dân là những hộ chủ yếu hoạt động nông nghiệp theo nghĩa rộng, bao gồm cả nghề rừng, nghề cá và hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn”.

Qua các khái niệm trên có thể khái quát về hộ nông dân như sau : “*Hộ nông dân là những hộ sống ở nông thôn, có ngành nghề sản xuất chính là nông nghiệp, nguồn thu nhập và sinh sống chính là nghề nông. Ngoài nông nghiệp, hộ nông dân còn tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp (như tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ...) ở mức độ khác nhau*”.

1.1.2. Thu nhập của hộ nông dân

Trong cơ chế thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của nông hộ diễn ra rất đa dạng, ngoài sản xuất nông nghiệp hộ còn tham gia vào các ngành nghề khác như: Công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng và nghề rừng. Chính vì thu nhập của hộ nông dân bao gồm toàn bộ những kết quả của các ngành trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ và một số ngành nghề khác như: sửa chữa, sản xuất nguyên vật liệu, chế biến nông sản... mang lại.

1.1.3. Đặc điểm của hộ và kinh tế hộ

Đặc điểm của hộ nông dân

Hộ nông dân là một đơn vị kinh tế cơ sở - vừa là đơn vị sản xuất vừa là đơn vị tiêu dùng. Vừa là đơn vị kinh doanh vừa là đơn vị xã hội.

Quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng biểu hiện ở trình độ phát triển của hộ tự cấp hoàn toàn đến sản xuất hàng hóa hoàn toàn. Trình độ này quy định giữa nông hộ và thị trường. Các hộ ngoài hoạt động nông nghiệp còn tham gia vào

các hoạt động phi nông nghiệp với các mức độ khác nhau.

Nông hộ là thực thể văn hóa kinh tế chủ yếu ở nông thôn.

Kinh tế nông hộ không thể tách rời nền kinh tế quốc dân, nó là bộ phận quan trọng hợp thành của nền kinh tế quốc dân.

Khoa học kinh tế nông hộ là nền tảng cho việc xem xét, phân tích, đánh giá và xây dựng chiến lược phát triển nông thôn.

Đặc điểm của kinh tế hộ:

Kinh tế hộ khác với các loại hình kinh tế khác do:

Kinh tế hộ là đơn vị kinh tế độc lập không đối kháng với kinh tế hợp tác và kinh tế nhà nước.

Kinh tế hộ là loại hình kinh tế thích nghi, có lợi thế và hạn chế bởi các yếu tố đất đai, lao động, tiền vốn và thái độ tiêu dùng của chủ hộ.

Kinh tế hộ là đơn vị kinh tế vừa sản xuất vừa tiêu dùng nông sản. Đồng thời thực hiện nhiều chức năng, có khả năng tự điều chỉnh cao trong quan hệ phân phối, tiêu dùng.

Là đơn vị mang tính đặc thù với điều kiện tự nhiên – kinh tế riêng biệt. Đối với nước ta, kinh tế hộ là khái niệm chung chỉ các loại nông hộ có trình độ sản xuất khác nhau, tự cung, tự cấp đến sản xuất hàng hóa. Kinh tế nông hộ đã có tác dụng to lớn thúc đẩy sự phát triển các khu vực nông nghiệp, đặc biệt là khu vực miền núi, nông thôn.

1.1.4. Những đặc trưng cơ bản của kinh tế hộ nông dân

Kinh tế hộ nông dân có 6 đặc trưng cơ bản là:

Thứ nhất: Có sự thống nhất chặt chẽ giữa quyền sở hữu với quá trình quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất. Bởi vì sở hữu trong nông hộ là sở hữu chung, mọi thành viên đều có thể sử dụng và tự quản lý các yếu tố sản xuất như vốn, đất đai để tạo ra của cải đóng góp vào ngân quỹ chung của nông hộ.

Thứ hai: Lao động quản lý và lao động trực tiếp có sự gắn bó chặt chẽ với nhau và được chi phối bởi quan hệ huyết thống. Thông thường chủ hộ thường là người quản lý, điều hành và trực tiếp tham gia sản xuất. Với đặc điểm này, việc tổ chức sản xuất trong nông hộ diễn ra tương đối linh hoạt và

thống nhất, cơ cấu tổ chức rất đơn giản

Thứ ba: Quy mô sản xuất nhỏ, hơn nữa các nguồn lực có thể được huy động hay thu hồi dễ dàng nên các nông hộ hoàn toàn có khả năng thích nghi và tự điều chỉnh tốt. Gặp điều kiện thuận lợi, nông hộ có thể phát huy tối đa nguồn lực cho sản xuất ngay cả khi giảm khẩu phần ăn tất yếu của mình.

Thứ tư: Quan hệ huyết thống, họ tộc, văn hóa và đặc biệt là lợi ích kinh tế chung của các thành viên... Tất cả nằm đan xen trong một trật tự tổ chức hết sức đa dạng và phức tạp, song chúng cùng tác động tạo nên sự đồng tâm, hiệp lực giữa các thành viên, họ cùng tự giác lao động để phát triển kinh tế mà không cần đến thưởng phạt. Điều này không thể có ở các đơn vị kinh tế khác.

Thứ năm: Kinh tế hộ được đặc trưng bởi sự tha gia từng phần vào thị trường. Chính vì thế, trên thị trường đầu vào, hộ chỉ bán từng phần nguồn lực của mình như: đất đai, sức lao động... với thị trường đầu ra, nông hộ chỉ mua những gì mà họ không có khả năng tự túc như: quần áo, thuốc men hay các đồ gia dụng khác...

Thứ sáu: Kinh tế hộ nông dân sử dụng sức lao động, nguồn vốn... của mình là chủ yếu. Chỉ khi nào quy mô sản xuất vượt quá nguồn lực sẵn có, các hoạt động mua bán hay đi thuê mới diễn ra.

Với các đặc trưng trên, có thể khẳng định rằng kinh tế nông hộ luôn là hình thức tổ chức kinh tế rất thích hợp với sản xuất nông nghiệp. Bởi vì, đối tượng sản xuất nông nghiệp là các sinh vật sống rất cần sự chăm sóc trực tiếp và thường xuyên của con người. Người lao động trong nông hộ với ý thức trách nhiệm cao, có sự gắn bó mật thiết với cây trồng vật nuôi nên hoàn toàn có thể đảm nhận công việc đó

1.1.5. Phân loại hộ nông dân

Theo tính chất của ngành sản xuất, hộ bao gồm:

Hộ thuần nông: là loại hộ chỉ thuần túy sản xuất nông nghiệp.

Hộ kiêm: là loại hộ vừa làm nông nghiệp, vừa làm tiểu thủ công nghiệp.

Hộ chuyên: là loại hộ chuyên làm các ngành nghề như cơ khí, mộc, nề, may, dệt hay các dịch vụ kỹ thuật cho nông nghiệp.

Hộ buôn bán: ở nơi đông dân cư, có quầy hàng riêng hoặc buôn bán ở chợ.

Nhìn chung, các loại hộ trên thường không ổn định và có thể thay đổi tùy điều kiện cho phép. Vì vậy, cần xây dựng công nghiệp nông thôn, phát triển cơ cấu hạ tầng và sản xuất và xã hội ở nông thôn, mở rộng mạng lưới thương mại và dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn để chuyển dần hộ độc canh thuần nông sang hộ đa ngành hoặc sản xuất chuyên môn hóa. Từ đó làm lao động nông nghiệp giảm, thu hút lao động dư thừa ở nông thôn hay làm lao động phi nông nghiệp tăng lên.

Tùy theo chỉ tiêu quy định chung hoặc của từng vùng từng địa phương mà phân loại các hộ như trên.

Hộ nông dân là tế bào của nền kinh tế xã hội, là hình thức kinh tế cơ sở của nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó, hộ nông dân còn là đơn vị kinh tế tự chủ, có mối quan hệ với các thành phần kinh tế và là cơ sở hình thành kinh tế hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp, phi nông nghiệp ở nông thôn.

1.2. Cơ sở lý luận về thu nhập và nâng cao thu nhập hộ nông dân

1.2.1. Khái niệm về thu nhập và nâng cao thu nhập hộ nông dân

- Khái niệm về thu nhập:

Quan điểm của Traianoop về thu nhập của hộ nông dân trong điều kiện không tồn tại thị trường sức lao động: Theo ông thu nhập hộ nông dân không giống thu nhập của các xí nghiệp tư bản, thu nhập trong hộ không chỉ có tiền lãi kinh doanh mà bao gồm toàn bộ giá trị lao động. Như vậy, *thu nhập của hộ nông dân là phần còn lại sau khi lấy giá trị sản xuất trừ đi tổng chi phí vật chất.*

Quan điểm của Barnum và Squire về thu nhập của hộ nông dân trong điều kiện tồn tại thị trường sức lao động: Theo các ông, trong điều kiện tồn tại thị trường sức lao động thì thời gian lao động được phân chia thành: thời gian lao động nghỉ ngơi, lao động làm việc nhà, thời gian lao động làm sản xuất nông nghiệp và thời gian lao động có tiền công (bao gồm lao động làm thuê ngoài và lao động đi làm thuê). Từ đó, ông khái niệm thu nhập hộ nông dân như sau: *“Thu nhập hộ nông dân được tính bằng giá trị sản phẩm sau khi đã trừ đi các phần: phần sản phẩm hộ tiêu dùng, giá trị công lao động thuê*

ngoài, chi phí đầu vào cho sản xuất và cộng thêm giá trị tiền lao động đi làm thuê. Song ở đây, các ông lại tính số tiền công giống nhau, điều này không đúng. Sau đó, khái niệm này được Allanlow nghiên cứu và bổ sung thêm với điều kiện tiền công khác nhau cho các loại lao động, giá cả các sản phẩm cũng khác nhau.

Để phù hợp với đặc điểm và điều kiện của nền nông nghiệp Việt Nam, nhiều nhà khoa học và nghiên cứu kinh tế của nước ta cũng đã sử dụng chỉ tiêu hỗn hợp để đánh giá thu nhập của hộ nông dân như sau: “Thu nhập hỗn hợp của hộ nông dân là phần thu được sau khi lấy tổng thu (tức là toàn bộ giá trị sản phẩm từ các hoạt động sản xuất trong nông hộ) trừ đi chi phí vật chất, trừ đi tiền công thuê ngoài và trừ chi phí khác (bao gồm thuế, khấu hao tài sản cố định....)”(Nguyễn Đình Hương, 2000). Như vậy, trong phần thu nhập của nông hộ sẽ bao gồm tiền công lao động của chủ hộ, tiền công lao động của các thành viên và lãi kinh doanh.

Rút ra từ những quan điểm trên và những đặc trưng về hộ nông dân ở Việt Nam, có thể tổng quát khái niệm về thu nhập của hộ nông dân như sau: *“Thu nhập của hộ nông dân được hiểu là phần giá trị sản xuất tăng thêm mà hộ được hưởng để bù đắp cho thù lao lao động của gia đình, cho tích lũy và tái sản xuất nếu có. Thu nhập của hộ phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh mà hộ thực hiện. Có thể phân thu nhập của hộ thành 3 loại: thu nhập từ nông nghiệp, thu nhập từ phi nông nghiệp và thu nhập từ các nguồn khác”* (Vũ Ngọc Khôi, 2007).

Do điều kiện và cách thức hoạt động mang tính đặc trưng nên thu nhập hộ nông dân có những đặc điểm sau:

Thu nhập của hộ nông dân thấp và tăng chậm so với thu nhập của dân cư thành thị.

Hộ nông dân chủ yếu sống ở nông thôn nơi có điều kiện khó khăn về cơ sở hạ tầng, trình độ dân trí thấp, dân số tăng nhanh và thiếu việc làm... Bên cạnh đó ngành sản xuất chính của hộ nông dân là trồng trọt và chăn nuôi,

những ngành này thường gặp nhiều rủi ro, việc đầu tư của hộ bị hạn chế nên thu nhập của hộ nông dân thấp.

Nguồn thu nhập của hộ nông dân đa dạng và chủ yếu từ hoạt động nông nghiệp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ nông dân bao gồm các hoạt động sản xuất nông nghiệp và sản xuất phi nông nghiệp. Trong đó sản xuất nông nghiệp lại bao gồm nhiều ngành sản xuất khác như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ nông nghiệp. Hoạt động phi nông nghiệp bao gồm các ngành nghề như tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ. Ngoài ra hộ nông dân còn tham gia vào nhiều hoạt động khác để tăng thu nhập như: làm thuê, xuất khẩu lao động, một số hộ còn được hưởng lương hưu, trợ cấp, phụ cấp của Nhà nước.

Thu nhập của hộ nông dân không đồng đều và thiếu ổn định.

Thu nhập của hộ nông dân thường có sự chênh lệch giữa các hộ. Do nông thôn là vùng rộng lớn, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế rất đa dạng và có sự khác biệt. Sự khác biệt về trình độ dân trí, trình độ nhận thức, phong tục tập quán và các yếu tố kinh tế - xã hội khác nhau làm cho sự khai thác các nguồn lực khác nhau dẫn đến thu nhập của các hộ nông dân cũng có sự khác nhau giữa các vùng, miền và giữa các hộ với nhau.

Thu nhập của hộ nông dân thiếu ổn định do nguồn thu nhập chủ yếu của các hộ nông dân là kết quả của hoạt động sản xuất nông nghiệp nhưng sản xuất nông nghiệp phụ thuộc khá lớn vào điều kiện tự nhiên mà điều kiện tự nhiên thì thường xuyên thay đổi khó có thể kiểm soát được. Sản xuất nông nghiệp nếu gặp thời tiết thuận lợi sẽ cho năng suất cao và ngược lại. Hơn nữa sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ gây nên sự mất ổn định về giá cả của sản phẩm, hàng hóa dẫn đến thu nhập của hộ cũng thay đổi.

Thu nhập của hộ nông dân chưa loại trừ hết chi phí.

Thu nhập của hộ nông dân không chỉ là lợi nhuận kinh doanh mà còn bao gồm cả chi phí lao động gia đình, bởi hộ nông dân chủ yếu là sử dụng lao động gia đình nên việc sử dụng lao động của hộ hết sức linh hoạt. Trong cùng

một thời gian một người có thể làm nhiều việc khác nhau tạo ra các khoản thu nhập khác nhau nên khó có thể hạch toán được chi phí lao động và tổng chi phí. Chính vì vậy thu nhập của hộ được tính bao gồm cả chi phí lao động gia đình và khó hạch toán.

Nâng cao thu nhập hộ nông dân

Nâng cao thu nhập là phương pháp làm cho lượng thu nhập ngày càng tăng và ổn định trong một thời gian tương đối dài của hộ gia đình và cộng đồng dân cư mà không làm suy giảm (ảnh hưởng) đến việc phát triển tài nguyên đa dạng sinh học của vùng và quốc gia.

Điều kiện nâng cao thu nhập hộ nông dân:

Sử dụng đất đai bền vững, phát triển nông nghiệp thâm canh đa ngành.

Sử dụng hợp lý các tài nguyên rừng trong nước.

Bảo tồn và phát triển ngành nghề đặc biệt là các ngành nghề thủ công truyền thống.

Thúc đẩy các hoạt động dịch vụ (tập trung vào các dịch vụ đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp).

Phát triển hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ mới và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề cho dân cư tạo ra nguồn nhân lực dồi dào có chất lượng cao.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc dân tộc ở địa phương.

1.2.2. Nội dung và phương pháp tính thu nhập cho hộ nông dân

Do quan điểm và cách nhìn nhận về thu nhập khác nhau nên có rất nhiều phương pháp tính thu nhập của hộ nông dân. Theo quan điểm thu nhập hộ của hộ nông dân là phần còn lại của tổng thu sau khi trừ hết chi phí sản xuất. Ở đây, tôi sử dụng công thức tính thu nhập hộ nông dân như sau:

Thu nhập của hộ nông dân = Tổng thu – Tổng chi phí sản xuất

Trong đó tổng thu và tổng chi phí sản xuất được xác định như sau:

Phương pháp tính tổng thu

Tổng thu nhập của hộ nông dân được tạo nên từ sự đóng góp bằng tiền hay hiện vật của các bộ phận riêng lẻ nhưng được kết hợp ăn ý với nhau từ

các thành viên trong nông hộ. Có nghĩa rằng tổng thu của hộ nông dân có được từ hoạt động sản xuất khác nhau trong nông hộ do các thành viên cùng chung gách vác tạo ra. Bên cạnh đó việc kiếm được từ các công việc khác ngoài nông hộ như làm thuê, lương hưu, trợ cấp... cũng làm tăng nguồn thu cho hộ. Như vậy, tổng thu của hộ có được từ hai nguồn chính là thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nông hộ và thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài nông hộ.

Tổng TN của hộ = TN từ HĐSXNN + TN từ phi nông nghiệp + TN khác

Thu nhập từ HĐSXNN là thu nhập từ các hoạt động SXNN bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp...

TN từ HĐSXNN = Tổng số lượng sản phẩm chính (phụ) x giá bán

Thu nhập từ phi nông nghiệp là khoản từ các hoạt động như tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ

TN từ phi nông nghiệp = Tổng số lượng hàng hóa x giá bán

Thu nhập của hai hoạt động này bao gồm số tiền bán được của các sản phẩm và giá trị của những sản phẩm mà nông hộ tự sản xuất tự tiêu dùng.

Phần bán được: đó là khoản tiền thu được hay sẽ thu được từ việc bán sản phẩm. Sản phẩm đó gồm sản phẩm chính và sản phẩm phụ của các ngành sản xuất trong nông hộ. Sản phẩm chính là toàn bộ sản phẩm sản xuất ra để phục vụ trực tiếp đến đời sống của con người, nó là toàn bộ sản phẩm thu được thuộc sản xuất chính của quá trình sản xuất kinh doanh như thóc. Còn sản phẩm phụ là toàn bộ sản phẩm thu được thuộc mục đích phụ của quá trình sản xuất như rơm, rạ...

Thu nhập khác là các khoản thu thực tế của nông hộ có thể bằng tiền, có thể bằng hiện vật. Phần thu này có được từ các thành viên trong hộ tham gia vào các hoạt động sản xuất khác ngoài nông hộ như làm trong các nhà máy, xí nghiệp, làm ăn ở xa, đi xuất khẩu lao động hay làm cho các hộ nông dân khác có tiền đóng góp vào ngân quỹ chung của hộ nông dân. Nguồn thu này còn có được từ các tổ chức hay cá nhân như quà biếu, cho tặng, lương hưu, trợ cấp, lãi suất cho vay.

Thu nhập khác = Tổng các khoản thu thực tế khác trong năm

Phương pháp tính tổng chi phí

Chi phí sản xuất thể hiện bằng tiền hoặc hiện vật các yếu tố sản xuất được đưa vào một hoặc nhiều quá trình sản xuất.

Tổng chi phí sản xuất = CP cố định + CP biến đổi + CP chung khác

Trong đó chi phí cố định bao gồm khấu hao tài sản và thuế phải nộp (nếu có). Khấu hao tài sản cố định được tính bằng nguyên giá tài sản sau khi mua chia cho số năm có thể sử dụng cộng với chi phí sửa chữa lớn của tài sản cố định trong năm điều tra. Thuế là toàn bộ số tiền chi thực của nông dân, có thể tính theo tháng hoặc theo vụ. Chi phí này tính chung cho mọi hoạt động của hộ.

Chi phí biến đổi bao gồm chi phí cho vật tư và chi phí thuê lao động. Chi phí cho vật tư là chi thực tế nông hộ phải trả để mua từng loại vật tư dùng trong sản xuất với giá thị trường. Chi thuê lao động là số tiền thực tế phải trả cho người làm thuê, có thể là thường xuyên hoặc theo công việc, vụ. Tuy nhiên đa số hộ nông dân thường sử dụng lao động gia đình là chính nên chi phí thuê lao động không thường xuyên mà chủ yếu theo công việc, thời vụ.

Chi phí chung khác bao gồm toàn bộ khoản chi bằng tiền cho nông hộ trong một năm. Chi phí này được tính chung cho mọi hoạt động của nông hộ.

Như vậy, thu nhập của hộ nông dân bao gồm lợi nhuận kinh doanh, tiền công của chủ hộ và các thành viên trong hộ, phần chi phí tự sản xuất không trao đổi trên thị trường và các khoản thu từ hoạt động ngoài nông hộ. Một phần thu nhập sẽ được hộ sử dụng vào chi tiêu đời sống, sinh hoạt, một phần dùng để đầu tư cho quá trình SX tiếp theo hay gửi tiết kiệm.

1.2.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới thu nhập và nâng cao thu nhập hộ nông dân

Thu nhập của hộ nông dân bao gồm hai thành phần là tổng thu và tổng chi phí sản xuất. Do vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến hai thành phần này sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân.

Nhóm yếu tố ảnh hưởng đến tổng thu

Tổng thu chịu ảnh hưởng bởi quy mô, chất lượng nguồn lực, điều kiện tự nhiên và các chính sách của Nhà nước.

+)*Ảnh hưởng của quy mô nguồn lực*: Nguồn lực của nông hộ bao gồm đất đai, lao động và vốn. Quy mô nguồn lực bao gồm: quy mô đất đai, quy mô vốn và quy mô lao động.

Quy mô đất đai của hộ có thể thay đổi khi hộ nông dân co hẹp hoặc mở rộng diện tích đất của mình thông qua đấu thầu, chuyển nhượng hay mua bán, tùy thuộc vào nguồn nhân lực hay mục đích sản xuất của từng nông hộ. Quy mô diện tích đất đai là nhân tố quan trọng để xác định mức thu nhập từ sản xuất mùa vụ mà nông trại khai thác được.

Quy mô lao động thể hiện ở mức độ đầu tư lao động vào một công việc cụ thể nào đó. Khi đánh giá vấn đề lao động chúng ta phải nghiên cứu về số lượng nhân khẩu có trong hộ. Nhịp độ tham gia lao động thấp sẽ làm tỷ lệ phụ thuộc cao gây bất lợi đối với quy mô hộ. Hơn nữa nó làm cho hộ nghèo và khó có thể thoát ra khỏi tình trạng đó trong khoảng thời gian ngắn.

Vốn là yếu tố nguồn lực không thể thiếu trong mọi quá trình sản xuất kinh doanh, nó bao gồm tiền mặt, nguyên liệu và thiết bị sản xuất,... Quy mô vốn quyết định việc hộ mở rộng quy mô, chuyển dần sang sản xuất hàng hóa, có vốn có thể đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại phục vụ cho sản xuất làm giảm chi phí sản xuất, góp phần tăng thu nhập cho hộ.

+)*Ảnh hưởng tới chất lượng nguồn lực*: Chất lượng nguồn lực là yếu tố vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng đến cả số lượng và chất lượng sản phẩm sản xuất ra hay hàng hóa. Vì vậy nó ảnh hưởng trực tiếp tới tổng thu của hộ. Chất lượng nguồn lực bao gồm, chất lượng lao động, chất lượng đất đai, chất lượng vốn, chất lượng giống cây trồng vật nuôi, yếu tố khoa học kỹ thuật...

Chất lượng lao động thể hiện ở trình độ học vấn, kỹ năng lao động, khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất. Trong đó kiến thức chuyên môn và trình độ học vấn là cơ sở để tiếp thu và đưa kỹ thuật hiện đại vào sản xuất, kiến thức chuyên môn có được thông qua quá trình đào tạo ở

trường, ở các lớp tập huấn ngắn hạn hoặc dài hạn. Trang bị kiến thức chuyên môn cho người lao động là rất cần thiết, đặc biệt đối với chủ hộ vì họ là người cuối cùng đưa ra quyết định lựa chọn phương án sản xuất, những quyết định của chủ hộ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập của hộ.

Chất lượng vốn thể hiện ở chất lượng trang thiết bị mà hộ mua sắm hay việc bố trí, sử dụng vốn hợp lý của nông hộ. Cải thiện tiến bộ kỹ thuật là tăng khối lượng và chất lượng hàng hóa, đồng thời giảm được chi phí sản xuất và mở rộng được quy mô sản xuất do đó làm tăng thu nhập cho các hộ. Khi vốn đầu tư vào áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến sẽ làm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

Chất lượng giống cây trồng vật nuôi là yếu tố quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Khác với sản xuất công nghiệp, nông nghiệp chỉ cần một lượng đầu vào (giống cây, con) nhỏ sẽ thu được một khối lượng sản phẩm lớn hơn nhiều lần. Giống cây trồng vật nuôi tốt sẽ làm giảm chi phí đầu vào tăng số sản phẩm đầu ra từ đó làm tăng thu nhập của hộ.

+) Ngoài các yếu tố về quy mô và chất lượng nguồn lực trong nông hộ, thu nhập của hộ còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố khác như điều kiện tự nhiên, chính sách của nhà nước hay các yếu tố thị trường, phong tục tập quán,...

Những nhân tố về điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng trực tiếp đến mảnh đất mà người nông dân canh tác như: thời tiết, khí hậu, độ màu mỡ của đất... Do đối tượng sản xuất là sinh vật nên quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại cảnh.

Các chính sách của nhà nước có ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế hộ nông dân. Chính sách của nhà nước bao gồm các chính sách thuế, chính sách đất đai, tín dụng, chính sách khuyến nông, chính sách bảo hộ sản phẩm, chính sách trợ giá, chính sách giải quyết việc làm, chính sách trợ cấp...

Thị trường là nơi mà giá cả các yếu tố đầu vào và đầu ra trong sản xuất được hình thành nên thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của hộ.

Phong tục tập quán ở mỗi vùng khác nhau do điều kiện tự nhiên, kinh tế

xã hội khác nhau, đặc biệt yêu cầu thích nghi của các cây trồng, vật nuôi cũng khác nhau ở mỗi vùng sinh thái, đòi hỏi phải có những kỹ thuật canh tác và nuôi trồng phù hợp với điều kiện của từng vùng. Do đó cần có những quyết định sản xuất kinh doanh phù hợp với phong tục tập quán của từng địa phương.

Thu ngoài nông hộ chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố như: số người đi làm thuê; số cán bộ, công chức về hưu; số người đi nước ngoài; số vốn gửi tiết kiệm; tiền trợ cấp của Nhà nước. Các yếu tố này tăng lên sẽ làm thu nhập của hộ tăng lên và ngược lại.

Nhóm yếu tố ảnh hưởng đến tổng chi phí sản xuất

Tổng chi phí sản xuất là số vốn mà nông hộ bỏ ra đầu tư vào nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, thuê lao động,... Chi phí sản xuất nhiều hay ít phụ thuộc vào số lượng mong muốn của hộ và giá cả yếu tố đầu vào đó. Thông thường khi số lượng đầu vào tăng lên sẽ làm tăng chi phí sản xuất của hộ.

1.2.4. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu

Các chỉ tiêu phản ánh đặc điểm nông hộ bao gồm:

- Tuổi bình quân/ hộ nông nghiệp.
- Trình độ chuyên môn của hộ.
- Các loại hình sản xuất của hộ.
- Trình độ văn hoá của chủ hộ.

Các chỉ tiêu phản ánh điều kiện sản xuất kinh doanh của nông hộ:

- Diện tích đất nông nghiệp, đất canh tác bình quân/ hộ nông nghiệp.
- Diện tích đất nông nghiệp, đất canh tác bình quân/ khẩu nông nghiệp.
- Diện tích đất nông nghiệp, đất canh tác/ lao động nông nghiệp.
- Số lao động nông nghiệp bình quân/ hộ nông nghiệp.
- Số nhân khẩu nông nghiệp bình quân/ hộ nông nghiệp.
- Số vốn đầu tư sản xuất kinh doanh bình quân 1 hộ / 1 năm...

Các chỉ tiêu phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của nông hộ.

- Diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu trong hộ.
- Số con gia súc, gia cầm bình quân một hộ.

- Cơ cấu diện tích gieo trồng.
- Chi phí và cơ cấu các khoản chi phí...

Các chỉ tiêu phản ánh kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các nông hộ.

Do thực tế hiện nay các nông hộ ở Minh Hạc chủ yếu sản xuất thuần nông theo hướng tự cung, tự cấp, trình độ của chủ hộ còn hạn chế nên việc tính toán các chỉ tiêu cụ thể, chi tiết gặp nhiều khó khăn vì vậy trong đề tài này, tôi sử dụng các chỉ tiêu sau đây phản ánh tình hình kinh doanh của hộ

- Giá trị tổng sản lượng: Là toàn bộ giá trị sản phẩm chính thu được trong năm
- Tổng thu của hộ: Là toàn bộ giá trị các nguồn thu được bằng tiền trong năm của hộ. Nó bao gồm thu từ sản xuất ngành trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề, buôn bán dịch vụ và thu khác.
- Chi phí sản xuất của hộ: Là toàn bộ các khoản chi cho sản xuất kinh doanh trong năm của hộ, bao gồm chi cho sản xuất trồng trọt, chi cho chăn nuôi và buôn bán dịch vụ.



CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA XÃ MINH HẠC, HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

2.1. Điều kiện tự nhiên xã Minh Hạc

2.1.1. Vị trí địa lý

Xã Minh Hạc nằm ở phía tây bắc Huyện Hạ Hoà - Phú Thọ cách trung tâm khoảng 3,0 km. Có địa giới hành chính tiếp giáp với các xã sau:

- Phía Bắc giáp xã Âm Hạ
- Phía Tây Bắc giáp Thị Trấn Hạ Hoà
- Phía Đông Bắc giáp xã Hương Xạ
- Phía Đông Nam giáp xã Lang Sơn
- Phía Tây Nam tiếp giáp với Sông Hồng.

Xã có tuyến đường tỉnh lộ 320 nối liền Thị Trấn Hạ Hoà với Thành Phố Yên Bái và Việt Trì Phú Thọ. ngoài ra còn có tuyến đường sắt Hà Lào chạy qua.

2.1.2. Địa hình

Minh Hạc có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển sản xuất nông nghiệp, đó là: đất đai phì nhiêu, tưới tiêu tương đối thuận lợi, tiện đường giao thông và gần thị trường tiêu thụ. nhưng nhân dân sản xuất còn rất manh mún, nhỏ lẻ. Việc trao đổi giao lưu sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế.

Địa hình xã Minh Hạc là xã miền núi ở ven sông hồng. Địa hình không bị chia cắt nên rất thuận lợi cho việc tăng gia sản xuất.

Tuy nhiên chất đất ở đây lại giữ nước kém nên việc tưới nước cho cây trồng còn gặp khó khăn.

2.1.3. Khí hậu

Khí hậu ở xã Minh Hạc được chia làm 4 mùa (Xuân, Hạ Thu Đông.) Nhưng nổi bật là 2 mùa nóng lạnh. Mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 11 nhiệt độ cao nhất là 29,6°C. Vào tháng 8 mưa cao nhất là 328,0mm và độ ẩm thường lớn hơn 80%. Mùa này mưa nhiều, độ ẩm không khí cao thuận lợi cho cây trồng phát triển.

Song cũng có điểm bất lợi cho sản xuất, như mưa quá to gây ngập úng, hoặc làm ảnh hưởng đến cây... Giai đoạn từ tháng 5 và tháng 6 thường mưa to và mưa nhiều gây khó khăn cho thu hoạch, giai đoạn cuối tháng 4 và đầu tháng 5 thường xuất hiện gió Tây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp vì vậy cần điều chỉnh lịch thời vụ để đảm bảo sản xuất nông nghiệp.

Mùa lạnh từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau, nhiệt độ nhiều ngày xuống thấp dưới 15°C và từ tháng 1 đến tháng 2 còn xuất hiện sương muối làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất.

Nhìn chung các yếu tố khí hậu, thời tiết, nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, ánh sáng thích hợp cho việc phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi trong vòng một năm. Song cũng có một số bất lợi là lượng mưa phân bố không đều các tháng trong năm giai đoạn từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau lượng mưa ít đã gây ra hạn hán làm ảnh hưởng đến sản xuất cây vụ đông. Giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 10 mưa nhiều, mưa to và gió bão cũng thường xuyên xuất hiện gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

Trong giai đoạn từ tháng 12 đến tháng 1 năm sau nhiệt độ có lúc giảm xuống tới 10°C làm cho cây trồng bị chết. Vì vậy làm cho chi phí giống cao và làm chậm tiến độ sản xuất, cây trồng phát triển chậm, sương muối gây ảnh hưởng đến năng suất cây thực phẩm (cà chua, rau cải...)

Độ ẩm lớn thường phát sinh dịch hại ảnh hưởng lớn đến sinh trưởng phát triển của cây trồng làm cho năng suất bị giảm.

Tóm lại từ những thuận lợi và khó khăn của điều kiện khí hậu thời tiết nói trên, ta có thể bố trí lại cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cơ cấu cây trồng, cải tạo theo hướng sản xuất hàng hoá. Hoàn chỉnh lại hệ thống thủy lợi nhằm phát triển hệ thống cây trồng mới và đổi mới cơ cấu mùa vụ.

2.1.4. Tình hình sử dụng đất

Đất đai là yếu tố quan trọng không thể thiếu được trong đời sống sản xuất của con người, nó vừa là đối tượng sản xuất vừa là tư liệu sản xuất. Nó tác động rất lớn đến sản xuất, đặc biệt là yếu tố quan trọng với công tác nông nghiệp trong việc chọn lựa các vùng đất cho phù hợp với các giống cây

trồng. Tình hình sử dụng đất đai trên địa bàn xã Minh Hạc được thể hiện thông qua bảng 2.1

Bảng 2.1 Tình hình sử dụng đất xã Minh Hạc năm 2019

Tổng số	Tổng số (Ha)	Cơ cấu (%)
	527,40	100
I. Đất nông nghiệp	394,41	74,78
1. Đất sản xuất nông nghiệp	248,64	63,04
a. Đất trồng cây hàng năm	131,59	33,36
+ Đất trồng lúa	113,85	28,87
+ Đất trồng cây hàng năm khác	17,74	4,50
b. Đất trồng cây lâu năm	117,05	29,68
2. Đất nuôi trồng thủy sản	8,85	2,24
3. Đất lâm nghiệp	136,92	34,72
II. Đất phi nông nghiệp	132,37	25,10
1. Đất ở	19,81	14,97
2. Đất chuyên dùng	60,69	45,85
3. Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,23	0,17
4. Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,42	1,07
5. Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	50,22	37,94
III. Đất chưa sử dụng	0,63	0,12

(Nguồn: UBND xã Minh Hạc, 2019)

Đất nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao (74,78%) trong cơ cấu tổng diện tích đất đai của xã. Do đặc điểm địa hình của xã Minh Hạc là một xã miền núi nên đất nông nghiệp của xã gồm đất dùng mục đích sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 248,64ha chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu đất dùng cho nông nghiệp chiếm 63,04% trong tổng diện tích đất nông nghiệp. Điều này cho thấy, địa bàn xã đang chú trọng vào phát triển các

loại cây trồng hàng năm có tính đặc thù như cây lúa, hoa màu, các loại cây có thời gian sinh trưởng ngắn ngày. Do giá nông sản tăng lên người nông dân chuyển sang trồng cây ngắn ngày để nhanh được thu hoạch phục vụ cho đời sống. Để tăng năng suất của cây trồng hàng năm lên thì người dân có thể thâm canh tăng vụ. Bên cạnh đó, cây trồng lâu năm cũng được chú trọng chiếm 29,68% cơ cấu đất sản xuất nông nghiệp do có nhiều hệ thống cây trồng lâu năm có mức đầu tư cao, sử dụng nhiều giống mới, khoa học công nghệ phát triển nhằm mục tiêu mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Do điều kiện thủy văn hệ thống sông suối không thuận lợi cho việc nuôi trồng các loại thủy sản nên diện tích nuôi trồng chỉ đạt con số rất nhỏ chiếm 2,24% cơ cấu đất sản xuất nông nghiệp.

Diện tích đất phi nông nghiệp chiếm 25,1% cơ cấu diện tích đất tự nhiên và có xu hướng tăng lên. Do nhu cầu về sử dụng đất cho các hoạt động xây dựng xã hội tăng, dân cư trên địa bàn tăng kèm theo cho nên đất xây dựng cơ sở hạ tầng mở rộng hơn.

Đất chưa sử dụng chiếm 0,12% cơ cấu đất tự nhiên. Đất chưa sử dụng sẽ ngày càng bị giảm đi do các kỹ thuật canh tác, cải tạo ngày càng phát triển.

Với đặc điểm về tài nguyên đất như trên trong quá trình khai thác sử dụng và sản xuất nông, lâm nghiệp cần phải tập trung triệt để các loại đất thích hợp với sản xuất nông nghiệp do đó với đất đồi núi có độ dốc trong quá trình khai thác, canh tác theo phương thức nông lâm kết hợp và bền vững.

2.1.5. Các nguồn tài nguyên khác

Tài nguyên nước: Xã có nguồn nước mặt tương đối phong phú, song sự phân bố không đồng đều. Tuy nhiên chất lượng nước nói chung là tốt đảm bảo phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của người dân trong xã.

Tài nguyên rừng: Minh Hạc là một xã vùng cao, do đặc điểm địa hình nên thực vật ở đây phong phú và đa dạng, có nhiều gỗ quý. Diện tích rừng là 136,92ha chiếm 34,72% diện tích đất nông nghiệp. Song hiện nay trữ lượng còn thấp, để nâng cao độ che phủ của rừng đồng thời cải thiện chất lượng hiện đang có các chương trình phục vụ bền và phát triển rừng. Năm 2019 tỷ lệ độ

che phủ rừng ổn định ở mức 65% công tác quản lý, bảo vệ rừng được thực hiện tốt, phát huy được hiệu quả của kinh tế rừng, đặc biệt quan tâm đến công tác trồng rừng và làm giàu rừng; trong năm đã trồng mới là 15 ha đạt 100% kế hoạch; sản lượng gỗ khai thác ước đạt $2.650 \text{ m}^3 = 110\%$ kế hoạch; thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng chống cháy rừng, tuần tra, kiểm soát việc khai thác rừng, vận chuyển gỗ và động vật trái phép. Năm nay trên địa bàn không phát hiện sai sót nào xảy ra.

2.2. Tình hình kinh tế trên địa bàn xã

Tiếp giáp với thị trấn Hạ Hòa nhưng trước đây cuộc sống của người dân xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa còn gặp nhiều khó khăn do kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp trong khi đất canh tác ít, diện tích đất trồng lúa khoảng 113ha. Tình hình kinh tế trên địa bàn xã thể hiện trên bảng 2.2. Trong những năm gần đây, bên cạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, xã khuyến khích người dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Vì vậy bình quân trong 3 năm tổng giá trị sản xuất tăng 14,7% riêng năm 2019 có bước đột phá tăng 22,56% so với năm 2018 đây là một thành quả cần cố gắng tiếp tục phát huy.

Để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân, Đảng ủy, chính quyền xã Minh Hạc đã có nhiều chính sách khuyến khích các tập thể, cá nhân mở rộng các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Mặc dù đã rất cố gắng nhưng giá trị ngành công nghiệp không cao, tương đương với ngành nông nghiệp. Bình quân trong 3 năm tăng 7,5%. Để thúc đẩy ngành phát triển và thu hút nhiều nhà đầu tư, ban lãnh đạo xã đã tạo điều kiện về mặt bằng, thủ tục hành chính, đảm bảo an ninh trật tự, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đáng kể nhất là ngành dịch vụ, bình quân trong 3 năm tăng 44% trong đó tăng mạnh nhất là năm 2019 so với 2018 tăng 77,71%. Qua phân tích ta nhận thấy mặc dù đã có sự cố gắng tuy nhiên tỷ trọng ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao, ban lãnh đạo ủy ban nhân dân xã cần cố gắng để kinh tế của xã ngày càng đi lên.

Bảng 2.2 Kết quả sản xuất kinh doanh các ngành kinh tế ở xã Minh Hạc*ĐVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh (%)		
	Giá trị	CC (%)	Giá trị	CC (%)	Giá trị	CC (%)	Θ _{lh} 2018/2017	Θ _{lh} 2019/2018	Θ _{BQ}
Tổng giá trị sản xuất	78.595	100	84.018	100	102.980,2	100	106,89	122,56	114,7
1.Ngành Nông nghiệp	29.920	38,06	31.308	37,26	30.986,3	30,08	103,66	99,89	101,8
2.Ngành công nghiệp	29.075	36,99	31.090	37,0	33.572,5	32,6	106,93	107,98	107,5
3.Ngành dịch vụ	19.600	24,93	21.620	25,73	38.421,4	37,3	110,3	177,71	144,0

(Nguồn: UBND xã Minh Hạc)

2.3. Tình hình xã hội trên địa bàn xã Minh Hạc

2.3.1 Đặc điểm dân số, lao động

Dân số và lao động là yếu tố có vai trò đặc biệt quan trọng trong mọi quá trình sản xuất. Tình hình dân số, lao động được thể hiện qua bảng 2.3.

Đối với năm 2017 tổng số nhân khẩu của xã có 3.047 nhân khẩu, trong đó nữ có 1.577 người chiếm 51%, nam có 1.470 người. Năm 2018 tổng số nhân khẩu của xã có 3.054 nhân khẩu, tăng lên 7 nhân khẩu so với năm, trong đó nữ có 1.580 người tăng lên 3 người so với năm 2017, nam có 1.474 người tăng lên 4 người so với năm 2017. Năm 2019 tổng số nhân khẩu có 3.099 nhân khẩu, tăng lên 45 nhân khẩu so với năm 2018, nữ có 1.610 người tăng 30 người so với năm 2018, nam có 1.489 người tăng lên 15 người so với năm 2018, bình quân 3 năm của tổng số nhân khẩu 3,06%,.

Xã Minh Hạc với diện tích là 527,40 ha được chia làm 6 khu dân cư, hầu hết là dân tộc Kinh. Tổng số hộ là 806 hộ, trong đó hộ sản xuất nông nghiệp là 620 hộ chiếm 76,921%; Số hộ phi nông nghiệp là 128 hộ chiếm 23,07%. Quy mô trung bình là 4,0 người/ 1 hộ. Hiện nay với nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đã thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh thuộc các lĩnh vực may mặc, vận tải, xây dựng,... hàng năm tạo việc làm cho hàng ngàn lao động trong và ngoài địa phương. Qua đó góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Dân số của Minh Hạc là 3.147 khẩu. Trong đó, lao động trong độ tuổi trên toàn xã có 1.570 người, chiếm 49,89% tổng dân số, trong đó lao động nông nghiệp là 1.062 người, chiếm 67,64%; lao động phi nông nghiệp là 508 người chiếm 32,35% tổng số lao động. Lao động trong độ tuổi của xã cơ bản có công ăn việc làm nhưng hiệu quả lao động còn thấp.

Bảng 2.3 Tình hình dân số và lao động của xã 3 năm từ 2017 – 2019

Diễn giải	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh		
		SL	cc (%)	SL	cc (%)	SL	cc (%)	өлh 2018/2017	өлh 2019/2018	өлh BQ
Tổng nhân khẩu	Người	3.047	100,00	3.054	100,00	3.099	100,00	100,22	101,47	100,84
- Nữ	Người	1.577	51,0	1.580	51,73	1.610	51,95	100,19	101,89	101,04
- Nam	Người	1.470	48,0	1.474	48,26	1.489	48,04	100,27	101,01	100,64
Tổng số hộ	Hộ	786	100,00	800	100,00	806	100,00	101,78	100,75	101,26
- Hộ NN	Hộ	609	77,0	618	77,25	620	76,92	101,47	100,32	100,89
- Hộ phi NN	Hộ	177	22,0	182	22,75	186	23,07	102,82	102,19	102,50
Tổng LĐ	Người	1.563	100,00	1.570	100,00	1.598	100,00	100,44	101,78	101,11
- Lao động NN	Người	1.218	77,0	1.220	77,70	1.226	76,92	100,16	100,49	100,33
- Lao động phi NN	Người	345	22,0	350	22,29	372	23,27	101,44	106,28	103,86
Một số chỉ tiêu BQ										
- Số khẩu/hộ	Người	3,8		3,8		4				

(Nguồn: Báo cáo thống kê xã Minh Hạc)

Do đặc thù là xã miền núi nên số hộ làm nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao. Năm 2019 tổng số hộ hiện có là 806 hộ tăng lên 6 hộ so với năm 2018, trong đó hộ nông nghiệp có 620 hộ tăng lên 2 hộ so với năm 2018, hộ phi nông nghiệp có 186 hộ, tăng 4 hộ so với năm 2018. Bình quân 3 năm của tổng số hộ tăng là 3%, bình quân hộ nông nghiệp tăng là 0,9%, bình quân hộ phi nông nghiệp tăng là 4,1%.

Đối với tổng số lao động trong đó có lao động nông nghiệp và phi lao động nông nghiệp, năm 2017 tổng số lao động có 1.563 lao động, trong đó lao động nông nghiệp có 1.218 lao động, lao động phi nông nghiệp có 345 lao động. Năm 2019 tổng số lao động có 1.598 lao động tăng lên 28 lao động so với năm 2018. Qua đó ta thấy hộ phi nông nghiệp những năm gần đây có xu hướng tăng dần. Bình quân 3 năm của tổng số lao động nông nghiệp tăng 7,9%.

Tại xã Minh Hạc số nhân khẩu giao động từ 3 đến 4 người trong một hộ và có xu hướng tăng qua 3 năm từ 3,8 lên 4 do chính sách dân số chưa được thực hiện tốt tại địa phương. Bên cạnh đó số lao động trong một hộ khoảng 2 người. Điều đó cho thấy tình hình lao động tại xã thường chiếm khoảng 50% trong một hộ.

2.3.2. Văn hóa, giáo dục

Trong những năm gần đây, hệ thống giáo dục của xã đã được đầu tư xây dựng và cải tạo nâng cấp nhiều. Chất lượng giảng dạy và học tập đã từng bước phát triển và tiến bộ, cơ sở vật chất trường học ngày càng khang trang. Duy trì sĩ số học sinh trong cả năm học, giảm tuyệt đối việc học sinh bỏ học. Đội ngũ giáo viên không ngừng được bồi dưỡng và tập huấn nâng cao chất lượng giảng dạy. Chấp hành đúng quy định chương trình giảng dạy và thời gian thi tốt nghiệp cuối cấp của Bộ Giáo Dục quy định, không ngừng thực hiện mục tiêu là trường học đạt chuẩn quốc gia.

Phong trào văn hoá văn nghệ thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên với nhiều hoạt động sôi nổi nhân các ngày lễ lớn và các sự kiện trọng đại của địa phương và nhà trường. Hội khuyến học của xã đã đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, tăng cường các hoạt động khuyến khích hỗ trợ, từng bước phát huy

truyền thống hiếu học của các gia đình, dòng họ, thôn xóm, góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển. Các thiết bị dạy và học của nhà trường cũng đã được đổi mới để chất lượng giáo dục đạt cao hơn. Nhìn chung, phong trào dạy và học của xã Minh Hạc đã đạt được nhiều thành tích vượt bậc đáng được khen ngợi.

2.3.3. Cơ sở hạ tầng

a, Công trình thủy lợi:

Hiện tại địa bàn xã có 1 tuyến kênh cấp 1 dài 3,5 km (đã được Bê tông hoá) dẫn nước từ Đàm Ao Châu (Thị trấn Hạ Hoà) chảy về qua cánh đồng dẫn vào hệ thống mương xương cá (mương cấp 2) với tổng chiều dài của 9 tuyến mương cấp 2 là 6,7 km. Các hệ thống mương này được nạo vét thường xuyên, đảm bảo cung cấp nước tưới cả 3 vụ cho toàn bộ cánh đồng 71,6 ha. Tuy nhiên các tuyến mương này là mương đất, chất lượng còn kém, gây lãng phí đất canh tác và thời gian tưới nước phải kéo dài. Nơi thừa nước, nơi thiếu nước gây lãng phí nước. Như vậy về thủy lợi xã Minh Hạc 100% diện tích được tưới tiêu chủ động, không có diện tích nào phải dựa vào nước trời. Với lợi thế này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên để việc tưới tiêu có hiệu quả cao thì Minh Hạc cần phải quy hoạch, xây dựng lại hệ thống kênh, mương bằng bê tông hoá, tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá.

b, Về giao thông:

Hệ thống giao thông, đặc biệt là giao thông nông thôn và giao thông nội đồng là cơ sở vật chất không thể thiếu được đối với sản xuất nông nghiệp và nông thôn. Nhận thức được điều này trong những năm gần đây được sự trợ giúp của các cấp, các ngành và đóng góp của nhân dân xã đã nâng cấp và cải tạo được nhiều tuyến Đường, trong đó có 3,2 km đường bê tông; 2,7 km đường giao thông nội Đồng và nhiều tuyến đường thôn xóm khác. Trên địa bàn xã có Tuyến đường Tỉnh lộ 320 chạy qua, nối liền Thị trấn Hạ Hoà - Thành phố Yên Bái - Thành

Phố Việt Trì, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại và trao đổi các sản phẩm, hàng hoá.

2.4. Những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Minh Hạc

2.4.1. Thuận lợi

Minh Hạc có vị trí địa lý khá thuận lợi, do có hệ thống đường tỉnh lộ 320 nối liền Thị Trấn Hạ Hoà với Thành Phố Yên Bái và Việt Trì, Phú Thọ. ngoài ra còn có tuyến đường sắt Hà Lào chạy qua nên đã tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và giao lưu buôn bán trao đổi hàng hóa. Tuy nhiên nhân dân trong xã vẫn sống chủ yếu bằng nghề nông, chưa khai thác triệt để tiềm năng thế mạnh của xã.

Nguồn lao động dồi dào, cần cù sáng tạo, nhận thức về pháp luật và tiến bộ khoa học kỹ thuật của người dân đã được nâng lên thông qua các chương trình đào tạo tập huấn. Có hệ thống chính trị vững mạnh, tình hình an ninh cơ bản được giữ vững.

2.4.2. Khó khăn

Minh Hạc còn nhiều khó khăn do: sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa phát huy hết tiềm năng lợi thế để đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay còn mất cân đối trên nhiều mặt, sự phát triển kinh tế chưa cân đối với tiềm năng, khu vực công nghiệp phát triển nhanh, trong khi khu vực dịch vụ còn hạn chế; thừa lao động nhưng lại thiếu lao động kỹ thuật có trình độ cao, thiếu hụt thông tin, giảm việc làm, giảm thu nhập, thất nghiệp tăng cao v.v... ảnh hưởng không ít đến lao động của xã đang tham gia các lĩnh vực và các nơi trong và ngoài nước và tác động trực tiếp đến kinh tế của nhiều hộ gia đình và kinh tế của địa phương.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kết quả sản xuất ngành nông nghiệp trên địa bàn xã Minh Hạc

3.1.1 Tình hình chung về sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã

Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên xã Minh Hạc có điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp và thực hiện hiện đại hóa. Những năm gần đây, nông nghiệp và nông thôn xã Minh Hạc đang có những chuyển biến tích cực. Kết quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã được thể hiện trên bảng 3.1. Thông qua bảng ta nhận thấy bình quân trong 3 năm 2 ngành có xu hướng tăng là thủy sản và chăn nuôi. Xác định thủy sản là khâu đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, những năm qua, xã đã tập trung khai thác, sử dụng tối đa tiềm năng lợi thế diện tích từ mặt nước và điều kiện tự nhiên để phát triển nuôi trồng thủy sản góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Bình quân trong 3 năm thủy sản tăng 8,12% trong đó tăng mạnh nhất là năm 2019 tăng 13,94% so với năm 2018.

Bên cạnh thủy sản thì chăn nuôi cũng là một trong những ngành mà xã đang hướng tới. Tốc độ phát triển bình quân trong 3 năm đạt 104,50%. Lý giải điều này là do xác định kinh tế nông nghiệp là trọng điểm, trong thời gian qua với sự quan tâm, chỉ đạo tích cực của chính quyền địa phương, nhân dân trên địa bàn xã đã mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhiều mô hình kinh tế nông nghiệp mới đã được người dân nơi đây áp dụng, trong đó có việc thực hiện phát triển mạnh mẽ ngành chăn nuôi. Các giống vật nuôi có giá trị kinh tế cao như: Lợn rừng, hươu sao, nuôi bò thương phẩm, nuôi gà, lợn... bước đầu được đưa vào nuôi thả đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Về cơ bản nông nghiệp ở Minh Hạc đang dần dần phá vỡ thế độc canh mang tính chất truyền thống sang nền nông nghiệp đa dạng hoá sản phẩm, theo yêu cầu và nhu cầu của thị trường, đáp ứng phần nào mục tiêu của một nền nông nghiệp bền vững. Vì vậy, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Minh Hạc vẫn liên tục tăng trưởng và phát triển.

Bảng 3.1 Kết quả sản xuất nông nghiệp của xã Minh Hạc

Phân theo ngành	Giá trị sản xuất (Triệu đồng)			So sánh(%)		
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Θlh 2018/2017	Θlh 2019/2018	Θbq
1. Nông nghiệp	23.873,9	24.911,8	24.781,3	104,35	99,48	101,88
<i>Trồng trọt</i>	11.850	11.909,9	11.650,7	100,51	97,82	99,16
<i>Chăn nuôi</i>	12.023,9	13.001,9	13.130,6	108,13	100,99	104,50
2. Lâm nghiệp	3.458,6	3.741,2	3.180	108,17	85,00	95,89
3. Thủy sản	2.587,5	2.655	3.025	102,61	113,94	108,12
Tổng giá trị sản xuất	29.920	31.308	30.986,3	104,64	98,97	101,77

(Nguồn: Báo cáo thống kê xã Minh Hạc)



3.1.2 Tình hình sản xuất nông nghiệp theo nội bộ ngành

3.1.2.1 Thực trạng ngành trồng trọt trên địa bàn xã

Hoạt động sản xuất nông nghiệp bao gồm trồng trọt lương thực, thực phẩm: lúa, rau củ, cây mùa vụ, cây ăn quả (xoài, vải, chuối, cam, quýt...), cây chè, mía, cây lâm nghiệp. Tuy nhiên do đất đồi nghèo dinh dưỡng, chất lượng giống chưa cao nên hiệu quả kinh tế còn thấp, chưa có khả năng cạnh tranh và xuất khẩu. Tình hình ngành trồng trọt được thể hiện qua bảng 3.2.

Qua biểu 3.2 cho thấy cơ cấu diện tích gieo trồng chủ yếu vẫn là cây lương thực chiếm 61,13% tổng diện tích gieo trồng. Tỷ trọng cây công nghiệp dài ngày chiếm 34,04%. Tiềm năng đất đai, khí hậu để phát triển cây này là rất lớn.

Cây rau màu các loại được trồng với diện tích nhỏ và chưa được chú trọng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu tự cung tự cấp. Diện tích trồng tăng nhẹ trong giai đoạn 2017-2019. Diện tích trồng rau màu các loại năm 2019 đạt 46,0 ha. Rau màu các loại có tính chất hàng hóa ngắn ngày thiết yếu, vì thế thời gian thu hoạch và tính chất mùa vụ thể hiện khá rõ. Người dân trồng chỉ để dùng trong gia đình, qui mô nhỏ lẻ, người tham gia trồng màu cũng ít.

Như vậy, qua những số liệu trên ta thấy: hoạt động trồng trọt của người dân trong địa bàn xã phụ thuộc nhiều vào yếu tố tự nhiên, tập quán sản xuất của người dân chưa tận dụng được sức lao động và điều kiện sẵn có, nhất là thiếu kinh nghiệm sản xuất làm cho năng suất chưa cao. Cần có giải pháp để giữ ổn định diện tích trồng cây lâu năm, đối với cây trồng hàng năm có thể thâm canh tăng vụ để tăng năng suất.



Bảng 3.2 Diện tích các loại cây trồng chủ yếu của xã Minh Hạc*Đvt: ha*

Chỉ tiêu	Năm 2019	
	Diện tích	Tỷ trọng (%)
Tổng diện tích	248,64	100,00
- Cây lương thực	152	61,13
- Cây CN ngắn ngày	12	4,83
- Cây CN dài ngày	84,64	34,04
Trong đó:		-
+ Cây chè	8,1	3,26
- Cây rau màu các loại	46	18,50

*(Nguồn: Báo cáo thống kê xã Minh Hạc)***- Năng suất một số cây trồng tại xã Minh Hạc**

Sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng; giá giống, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Trước những khó khăn đó trên địa bàn xã đã có sự thay đổi cơ cấu giống lúa thay đổi theo hướng duy trì diện tích lúa lai, mở rộng diện tích lúa chất lượng cao theo nhu cầu thị trường. Năng suất của các loại cây trồng chính trên địa bàn đều có xu hướng tăng. Đối với cây lúa, nhờ có sự thay đổi trong cơ cấu các loại giống, đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất nên năng suất có xu hướng tăng từ 51 tạ/ha lên đến 52 tạ/ha. Do thay đổi giống cây trồng nên năng suất được cải thiện.

Các loại cây trồng khác, với việc áp dụng các biện pháp chăm sóc kỹ thuật mới cùng với việc đưa vào các loại giống có chất lượng tốt, nên đã mang lại năng suất tăng dần qua các năm. Như bảng trên ta thấy năng suất các loại cây trồng chủ yếu của xã có xu hướng tăng đồng đều từ năm 2017-2019. Đối với các loại cây trồng như cây lạc, cây sắn, cây chè sản lượng tăng nhẹ qua các năm.

Bảng 3.3 Năng suất các loại cây trồng chủ yếu của xã*Đvt: tạ/ha*

Loại cây	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	So sánh (%)		
				$\frac{\text{Th 2018}}{\text{Th 2017}}$	$\frac{\text{Th 2019}}{\text{Th 2018}}$	$\frac{\text{Th 2019}}{\text{Th 2017}}$
1. Lúa	51,65	52,2	52,5	101,06	100,57	100,82
2. Cây ngô	46,2	47,0	47,12	101,73	100,26	100,99
3. Cây lạc	17,56	18,61	18,9	105,98	101,56	103,75
4. Cây sắn(củ tươi)	150,5	151,5	151,7	100,66	100,13	100,40
5. Cây chè(búp tươi)	115,4	116,5	117,2	100,95	100,60	100,78

(Nguồn: Báo cáo thống kê xã Minh Hạc)

3.1.2.2 Thực trạng ngành chăn nuôi trên địa bàn xã Minh Hạc

Chăn nuôi là một trong số các hoạt động sản xuất quan trọng của sản xuất nông nghiệp. nó không chỉ mang lại thu nhập cho người dân mà còn là nguồn bổ sung thêm vật tư cho ngành trồng trọt: phân bón hữu cơ, cũng như sức kéo,...

Ngành chăn nuôi ở địa bàn xã chủ yếu là nuôi trâu, bò, lợn, gà, vịt. Trong lĩnh vực chăn nuôi ở các năm gần đây đã có bước chuyển biến tăng lên và được chú trọng hơn. Tuy nhiên chăn nuôi của các hộ trong xã vẫn còn nhỏ lẻ và manh mún cộng với trình độ kỹ thuật về chăm sóc và phòng ngừa dịch bệnh cho vật nuôi chưa có nên chưa kích thích được nhiều hộ gia đình tham gia vào nghề chăn nuôi. Sau đây là bảng thể hiện biến động số lượng gia súc, gia cầm qua 3 năm.

Bảng 3.4 Số lượng một số loại vật nuôi trên địa bàn huyện qua 3 năm*ĐVT:con*

Vật nuôi	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	So sánh (%)		
				Θlh 2018/2017	Θlh 2019/2018	Θbq
Trâu , bò	201	172	169	85,57	98,25	91,91
Lợn	4.000	4.200	2.600	105,0	61,90	83,45
Thỏ	65	98	65	150,76	66,32	108,54
Gia cầm	43.000	43.000	47.000	100,0	109,3	104,65

(Nguồn: UBND Xã Minh Hạc)

Theo bảng 3.4 ta thấy, nhìn chung tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã ở mức ổn định và có biến động tăng giảm qua các năm. Tốc độ phát triển trong giai đoạn 2017-2019 cụ thể qua các con số như sau:

Về chăn nuôi trâu, bò: Giảm nhẹ qua các năm, năm 2017 đạt 201 con, năm 2018 đạt 172 con giảm 29 con so với năm 2017, năm 2019 đạt 169 con giảm 3 con so với năm 2018. Bình quân 3 năm đạt 91,91%. Do nền nông nghiệp hiện nay đều sử dụng các loại máy móc hiện đại đưa vào sản xuất thay thế cho trâu, bò nên sản lượng chăn nuôi trâu, bò cũng giảm đi.

Về chăn nuôi lợn: Là một trong những loại hình chăn nuôi khá phổ biến của các hộ gia đình trong xã. Có biến động tăng giảm trong giai đoạn 2017-2019. Năm 2017 đạt 4.000 con. Năm 2018 đạt 4.200 con tăng 200 con so với năm 2017. Năm 2019 đạt 2.600 con giảm 1.600 con so với năm 2018. Bình quân 3 năm đạt 83,45%. Do trong thời gian này giá đầu vào của chăn nuôi heo có biến động tăng nên làm cho sản lượng heo xuất chuồng bị tăng theo, số lượng nuôi heo cũng ổn định ở mức tốt, năm 2019 số lượng lợn giảm mạnh do dịch tả lợn châu Phi lây lan nhanh , diễn biến phức tạp nên phải tiêu hủy.

Về chăn nuôi gia cầm: Số lượng gia cầm tăng nhiều, phát triển nhanh qua

các năm, được nhiều hộ dân tham gia chăn nuôi. Năm 2017 đạt 43.000 con, năm 2018 đạt 43.000 con, năm 2019 đạt 47.000 con tăng 4000 con so với năm 2018. Bình quân 3 năm đạt 104,65%. Do chăn nuôi gia cầm không cần có cơ sở vật chất lắm, dễ chăm sóc nên nhà nào cũng có khả năng chăn nuôi, đem lại nguồn thu nhập lớn cho người dân trong xã.

3.2 Phân tích thu nhập của hộ nông dân xã qua phiếu điều tra

3.2.1 Thông tin chung về hộ điều tra

Ngoài các đặc điểm và thống kê của xã để có được những nhận định chính xác chung tôi tiến hành điều tra các hộ dân. Dựa vào đặc điểm địa bàn nên đối tượng điều tra khá đa dạng. Với 806 hộ nên số lượng phiếu điều tra sẽ là 90 hộ. Trong đó điều tra cả hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ không nghèo, hộ thuần nông, hộ phi nông nghiệp và cả hộ kiêm. Đặc điểm đối tượng điều tra được thể hiện qua bảng 3.5.

Bảng 3.5: Đặc điểm các nhóm hộ được khảo sát

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
Tổng số hộ điều tra	Hộ	90
Chủ hộ		
+ Nam	Người	81
+ Nữ	Người	9
Trình độ học vấn (số năm đi học bình quân)	Năm	6,5
Tuổi của chủ hộ bình quân	Tuổi	45
Số nhân khẩu bình quân	Người/hộ	4,7
Số lao động bình quân	Người/hộ	2,3
Diện tích đất canh tác bình quân theo LĐ	m ²	1.200
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/hộ	65,76

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra, 2019

Qua điều tra 90 hộ thì có thể thấy: Chủ hộ chủ yếu là nam có tuổi trung bình là 45 tuổi, đa số những hộ nông dân ở xã có thành phần người dân tộc ít

người nên trình hộ học vấn ở đây không cao là 6,5/12, những người có học vấn cao chủ yếu là người ở nơi khác đến để làm ăn sinh sống phát triển kinh tế. Nhân khẩu bình quân ở xã là 4,7 người/ hộ.

3.2.2. Phân tích chi phí sản xuất của hộ điều tra

Để phân tích thu nhập của hộ trước hết ta xem xét chi phí sản xuất của hộ trong 1 năm. Tình hình chi phí sản xuất của các hộ điều tra được thể hiện trên bảng 3.6.

Bảng 3.6 Chi phí sản xuất nông - lâm nghiệp của hộ năm 2019

ĐVT: Triệu đồng/hộ

Phân loại hộ	Tổng chi phí sản xuất		Trong đó					
			Trồng trọt		Chăn nuôi		Lâm nghiệp	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Bình quân	60	100	10,0	16,7	38	63,3	12	20
2. Theo thu nhập								
- Nhóm hộ không nghèo	90	100	20	25	50	62,5	20	25
- Nhóm hộ cận nghèo	60	100	12	20	40	66,66	8	13,33
- Nhóm hộ nghèo	30	100	7	23,33	18	60	5	16,66

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra

Tổng chi phí sản xuất của các hộ điều tra trên địa bàn xã Minh Hạc 60 triệu đồng, trong đó chi phí đầu tư cho ngành trồng trọt là 16,7%, ngành chăn nuôi là 63,3% và ngành lâm nghiệp là 20%.

Phân tích theo thu nhập thì các hộ cận nghèo có cơ cấu chi phí ngành chăn nuôi là 66,66% cao hơn nhóm hộ khác. Cơ cấu chi phí ngành chăn nuôi của

các hộ hộ nghèo và cận nghèo từ 60%-66,6% cao hơn hộ không nghèo là 62,5%.

Như vậy ta nhận thấy xu hướng chung giữa các hộ là đầu tư cho ngành chăn nuôi nhiều hơn là trồng trọt và lâm nghiệp.

3.2.3 Tình hình lao động và nhân khẩu của các hộ điều tra

Khi nghiên cứu yếu tố lao động phải đề cập đến hai khía cạnh của lao động đó là số lượng và chất lượng lao động. Số lượng lao động của hộ bao gồm các thành viên trong gia đình có khả năng lao động. Chất lượng lao động thể hiện trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, nhận thức về chính trị, xã hội thông qua các kỹ năng, kinh nghiệm sản xuất được tích lũy qua quá trình sản xuất của hộ nông dân.

Bảng 3.7 Tình hình về lao động và nhân khẩu của hộ điều tra năm 2019

ĐVT: người

Chỉ tiêu	hộ không nghèo	hộ cận nghèo	hộ nghèo	Trung bình
Tổng số hộ điều tra	45	15	30	
- Bình quân số khẩu/hộ	4	5	5	4,7
- Bình quân lao động/hộ	2	3	2	2,3

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra)

Qua bảng 3.7 cho thấy, chỉ tiêu bình quân khẩu/hộ cao nhất ở nhóm hộ nghèo và cận nghèo (5 người), thấp nhất ở nhóm hộ không thuộc đối tượng nghèo và cận nghèo (4 người). Bình quân lao động giữa các hộ là 2,3 lao động trong đó hộ cận nghèo có số lao động nhiều hơn (bình quân 3 lao động/hộ) còn nhóm hộ nghèo và cận nghèo bình quân lao động là 2 lao động/hộ.

3.2.4. Tình hình đất đai của các hộ điều tra

Ngoài lao động thì đất cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới thu nhập của hộ. Tình hình phân bố đất đai của các hộ điều tra được thể hiện trên bảng 3.8. Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được trong sản xuất nông, lâm nghiệp của hộ nông dân. Để phát triển kinh tế hộ nông dân trước hết phải dựa vào nguồn tài nguyên đất, nhất là những nơi tiềm năng để mở rộng đất đai còn

nhieu. Vì vậy, khi phân tích cần dựa vào tiêu thức phân tổ theo loại đất sử dụng, mức thu nhập và quy mô diện tích đất của vùng nghiên cứu.

Bảng 3.8 Phân bố tỷ lệ đất đai của nông hộ điều tra năm 2019

ĐVT: %

Chỉ tiêu	Trung bình	Hộ không nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm hộ nghèo
Tổng đất đai	100	100	100	100
1. Phân bố đất sử dụng				
- Đất nông nghiệp	38,92	44,95	39,69	32,11
- Đất sản xuất lâm nghiệp	33,47	28,96	33,03	38,41
- Đất ở và vườn	27,62	26,09	27,28	29,48
2. Phân bố theo quy mô DT				
- Dưới 0,5 ha	21,75	8,12	19,23	37,91
- Từ 0,5- dưới 1 ha	38,68	33,15	42,06	40,82
- Từ 1- dưới 2 ha	39,57	58,73	38,71	21,27

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra)

Theo số liệu trên bảng 3.8 ta nhận thấy phần lớn các hộ có diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao hơn đất lâm nghiệp và đất ở. Theo phân loại hộ thì hộ nghèo có cơ cấu đất lâm nghiệp chiếm tỷ trọng cao hơn đất nông nghiệp và đất ở tỷ lệ đất lâm nghiệp ở hộ nghèo chiếm 38,41% trong khi đất nông nghiệp chỉ chiếm 32,11%. Đối với hộ không nghèo diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao hơn 2 loại còn lại, đất nông nghiệp chiếm khoảng 45% trong cơ cấu đất của hộ.

Thực tế cho thấy, đất vườn của các hộ nông dân có điều kiện trồng những cây có giá trị kinh tế cao như các loại cây ăn quả, đặc sản, mặt khác vườn ở gần nhà có điều kiện thâm canh tốt hơn đã tạo ra những sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn.

Về quy mô diện tích đất của hộ nông dân điều tra, các hộ có thu nhập không thuộc đối tượng nghèo và cận nghèo có diện tích đất thường rộng hơn vì vậy quy mô đất từ dưới 0,5 chỉ chiếm 8,12%. Trong khi các hộ có thu nhập nghèo cơ cấu diện tích đất có qui mô từ 0,5-1 ha chiếm khoảng 40-42%. Như vậy qua phân tích ta nhận thấy mức thu nhập của hộ khác nhau thì cơ cấu đất và qui mô đất cũng có sự khác biệt.

3.2.5. Tình hình vốn sản xuất

Ngoài lao động và đất đai thì vốn cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới thu nhập của hộ. Thống kê từ số liệu điều tra vốn của các hộ được thể hiện trên bảng 3.9.

Bảng 3.9 Tình hình vốn của các hộ điều tra

ĐVT: Triệu đồng/hộ/năm

Chỉ tiêu	Đơn vị
Tổng vốn/hộ	20,2
1. Theo nguồn gốc hộ	
Dân bản địa	18,2
Dân di dời, khai hoang	22,2
2. Theo thu nhập	
Nhóm hộ không nghèo	35
Nhóm hộ cận nghèo	16
Nhóm hộ nghèo	9,7
3. Theo nguồn gốc	
Vốn tự có	11,3
Vốn vay	8,9
Vốn từ các nguồn khác	0

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Phân tích quy mô vốn của hộ nông dân theo dân tộc cho thấy có sự chênh lệch giữa nhóm hộ theo nguồn gốc. Chủ hộ là dân từ nơi khác đến có số vốn bình quân dùng để sản xuất là 22,2 triệu đồng cao hơn so với chủ hộ là người gốc bản địa là 18,2 triệu đồng.

Phân tích vốn đầu tư của các nhóm hộ theo quy mô thu nhập, các hộ có

chênh lệch đáng kể về vốn đầu tư. Hộ thu nhập thu nhập không thuộc hộ nghèo có mức vốn là 35 triệu đồng, trong khi đó hộ nghèo chỉ có khoảng 10 triệu để dùng cho sản xuất. Bởi theo lý giải của các hộ do quỹ đất ít và phần lớn làm nông nghiệp nên họ chỉ dùng để đầu tư giống, phân bón nên lượng vốn không nhiều. Qua đây thấy rằng, mức vốn dùng cho sản xuất của các hộ nông dân rất khác nhau giữa thu nhập, nguồn gốc.

3.2.6 Tình hình thu nhập của các hộ điều tra

3.2.6.1 Tình hình thu nhập theo phân loại hộ

Số liệu điều tra về thu nhập của các hộ từ các nguồn được thể hiện qua bảng 3.10. Chi tiết các nguồn thu của các hộ ta nhận thấy tổng thu nhập bình quân của các hộ là thu nhập từ nông lâm nghiệp và thu nhập ngoài nông lâm nghiệp.

Theo số liệu điều tra mặc dù làm nông nghiệp nhưng thu nhập ngoài nông lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu thu nhập của hộ. Trong tổng thu nhập bình quân của các hộ điều tra là 65,76 triệu đồng/hộ/năm thì thu nhập ngoài nông lâm nghiệp là 45,76 triệu đồng/hộ/năm. Nguyên nhân là do nhóm hộ phi nông nghiệp cũng như hộ không nghèo có thu nhập từ dịch vụ cao. Ngoài kinh doanh buôn bán thì các hộ này còn mở các dịch vụ như: làm đất, tưới tiêu, bảo vệ thực vật, vận chuyển hàng hóa, sơ chế nông phẩm. Điển hình đã có những hộ chuyên làm đất thuê, hộ gò, rèn. Hiện nay một số hộ nông dân có xu hướng mở rộng quy mô sản xuất, đồng thời mở nhiều nghề mới trong nông thôn như chế biến thức ăn gia súc, dệt may và một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ nhằm khai thác nguyên liệu sẵn có của vùng và để tận dụng lao động.

Bảng 3.10 Tổng thu nhập các hộ nông dân xã Minh Hạc năm 2019*Đơn vị tính: Triệu đồng/ hộ/năm.*

Phân loại hộ	Thu nhập từ NLN				Thu nhập ngoài NLN	Tổng thu nhập
	Tổng thu nhập	Trồng trọt	Chăn nuôi	Lâm nghiệp		
1. Bình quân	20	6	11	3	45,76	65,76
2. Theo nguồn gốc						
-Dân bản địa	15,7	4,2	5,5	6	41,4	57,1
-Dân từ nơi khác đến	24,3	7,8	16,5	0	50,12	74,42
3. Theo thu nhập						
-Nhóm hộ không nghèo	22,5	4,4	18,1	0	65,08	87,58
-Nhóm hộ cận nghèo	19,5	7	9,5	3	40,7	60,2
-Nhóm hộ nghèo	18	6,6	5,4	6	31,5	49,5

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra

Bình quân thu nhập từ sản xuất ngoài NLN của các hộ là 45,76 triệu đồng bao gồm từ hoạt động dịch vụ, làm thuê, sản xuất hàng thủ công. Chia theo thu nhập các hộ không thuộc nhóm hộ nghèo có mức thu cao nhất là 87,58 triệu đồng/hộ/năm trong đó thu từ ngoài nông lâm nghiệp cao nhất (65,08 triệu đồng) trong đó chủ yếu thu nhập từ sản xuất hàng thủ công, từ dịch vụ kinh doanh buôn bán....

Như vậy, có thể thấy rằng thu nhập của hộ nông dân phụ thuộc rất lớn vào đặc điểm nhóm hộ, nhóm hộ, phụ thuộc vào kiến thức về sản xuất nông lâm nghiệp, thông tin về thị trường có mức thu nhập cao nhất.

3.2.6.2 Tình hình thu nhập theo lao động và nhân khẩu

Ngoài đặc điểm của hộ theo thu nhập, theo nguồn gốc hộ hay theo đặc điểm sản xuất kinh doanh thì phân tích thu nhập hộ theo nhân khẩu và theo lao động cũng cho ta có cái nhìn đánh giá khách quan về nguồn thu nhập của hộ. Tình hình thu nhập của hộ theo lao động và nhân khẩu được thể hiện trên bảng 3.11.

Bảng 3.11 Thu nhập bình quân theo lao động và nhân khẩu

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1.	Tổng thu nhập	triệu đồng	5.918,4
2.	Tổng nhân khẩu	người	423
3.	Tổng lao động	người	207
4.	Tổng hộ	hộ	90
	- Thu nhập bình quân/hộ	triệu đồng/hộ/năm	65,76
	- Thu nhập bình quân/lao động	triệu đồng/ lao động/năm	28,59
	- Thu nhập bình quân/nhân khẩu	triệu đồng/người/năm	13,99

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra)

Qua bảng trên cho thấy: số khẩu của các hộ điều tra trong xã điều tra là 423 khẩu và 207 lao động do đó mức thu nhập bình quân của một người theo thống kê điều tra là khoảng 14 triệu và thu nhập bình quân của một lao động trong một năm là 28,6 triệu đồng gần tương đương với thu nhập bình quân của xã. Qua bảng số liệu cho thấy tỷ lệ hộ sống phụ thuộc sản xuất nông lâm nghiệp

là phần nhiều tuy nhiên thu nhập từ các ngành này lại thấp hơn so với thu nhập ngoài nông lâm nghiệp.

3.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập và nâng cao thu nhập của hộ

3.3.1. Trình độ học vấn, nguồn gốc và thành phần dân tộc của chủ hộ

Phân tích về chủ hộ nông dân có thể xem xét về nguồn gốc, dân tộc và trình độ học vấn. Khi phân tích chủ hộ thấy rằng các hộ có nguồn gốc khác nhau thì mức thu nhập cũng khác nhau. Cụ thể những hộ có nguồn gốc bản địa thu nhập thường thấp hơn những hộ từ nơi khác tới. Lý giải điều này khi được hỏi các hộ có nguồn gốc bản địa họ thường sản xuất theo thói quen và không mạnh dạn thay đổi. Vì vậy, phần nào thói quen này ảnh hưởng tới thu nhập của họ.

Ngoài ra trình độ học vấn cũng ảnh hưởng tới thu nhập của hộ. Theo số liệu điều tra trình độ học vấn trung bình của các hộ là 6,5 năm đi học. Trong đó những hộ có những hộ có mức thu nhập cao thường là những hộ có trình độ học vấn cao hơn các hộ khác.

3.3.2. Quy mô các yếu tố sản xuất đến thu nhập về nông lâm - nghiệp của hộ

Bên cạnh trình độ, nguồn gốc thì qui mô các yếu tố sản xuất cũng ảnh hưởng tới thu nhập của hộ. Tình hình thu nhập của hộ theo nguồn lực được thể hiện qua bảng 3.7. Thông qua bảng phân bổ về đất đai của các hộ theo thu nhập ta thấy những hộ nghèo thường có qui mô đất không nhiều thường dưới 1ha chiếm tỷ trọng cao. Trong khi đó những hộ không thuộc đối tượng nghèo thì qui mô đất đai của họ từ 1ha đến 2ha chiếm trên 50%. Đây cũng là một lợi thế giúp họ dễ dàng trong việc thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm tăng thu nhập.

Phân tích quy mô vốn sản xuất của hộ trên bảng 3.8 cho thấy, vốn đã ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân. Những hộ có mức thu nhập cao họ thường có lợi thế trong quá trình đầu tư và sử dụng vốn cho mục đích kinh doanh, họ có nhiều sự lựa chọn cho mục đích của mình. Còn những hộ có mức thu nhập không cao họ lại thường e dè, tâm lý sợ rủi ro. Do vậy lượng vốn họ thường

không có nhiều và vì thế học cũng là đối tượng đầu tư vốn ít. Chính vì vậy nguồn thu của họ sẽ không lớn trong năm.

Từ phân tích về mức độ ảnh hưởng của các nguồn lực như quy mô đất đai, quy mô lao động và quy mô đầu tư vốn cho sản xuất tôi có một vài nhận xét như sau: Để sản xuất có hiệu quả phù hợp với điều kiện sản xuất và trình độ tổ chức sản xuất của hộ nông dân vùng đồi núi hiện nay thì quy mô lao động mỗi hộ có từ 1-2 ha đất canh tác, 3-4 lao động và mức vốn đầu tư thường cao. Trong chiến lược tăng thu nhập cần lưu ý tới các hộ có mức thu nhập thấp, quỹ đất hạn chế để tạo việc làm nhằm chuyển đổi cơ cấu lao động sang các ngành sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn giúp các hộ tăng thu nhập.

3.3.3. Ảnh hưởng của yếu tố thị trường đến thu nhập của hộ

Thị trường ảnh hưởng rất lớn đến phát triển sản xuất của hộ nhất là những sản phẩm sản xuất để bán. Nó là yếu tố điều tiết sản xuất. Nơi nào tiêu thụ sản phẩm tốt, giá bán cao nơi đó sản xuất hàng hóa sẽ có cơ hội để phát triển.

Qua nghiên cứu khả năng tiếp cận của hộ nông dân, hầu hết các hộ sản xuất được hàng hóa đều tập trung ở những vùng thấp và dọc đường quốc lộ và tỉnh lộ, khu vực thị trấn, thị tứ. Một số nơi sản xuất của hộ còn thiếu thông tin nên bị các tư thương ép cấp, ép giá, phần nào đã ảnh hưởng đến thu nhập của hộ. Khảo sát các chợ, tụ điểm buôn bán nhỏ và ở gia đình các hộ nông dân sản xuất hàng nông sản cho thấy hình thức tiêu thụ sản phẩm rất đa dạng.



Bảng 3.12 Phương thức tiêu thụ một số sản phẩm của hộ điều tra

Chỉ tiêu	Sản phẩm hàng hóa chủ yếu				
	Hoa quả	Cây lương thực	Chè	Lợn	Gia cầm
1. Bán cho các đối tượng					
- Tư thương				X	X
- Nhóm hộ chế biến		X			
- Nhà máy chế biến			X		
- Khác					X
2. Hình thức bán					
- Tại vườn					
- Tại nhà				X	X
- Tại chợ					X
- Tại điểm thu gom					
3. Phương thức bán					
- Bán buôn	X				
- Bán lẻ	X				
4. Thông tin giá cả					
- Biết trước khi bán	X	X	X	X	X
- Biết sau khi bán					

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Sản phẩm của hộ bán cho tư thương tại nhà là lợn, gia cầm và bán cho tư thương tại chợ là gia cầm, hoa quả được hộ bán cho tư thương dưới hình thức bán buôn, bán lẻ.

Các vùng cần phải tổ chức các đầu mối tiêu thụ sản phẩm, xây dựng các nhà máy chế biến vừa và nhỏ theo hình thức sơ chế và chế biến tinh để thu gom sản phẩm cho hộ nông dân. Thực tế cho thấy, vùng nào tổ chức được công tác chế biến sản phẩm tốt thì ở nơi đó sản xuất hàng hóa phát triển, vùng nào công

nghiệp chế biến chưa phát triển, đường xá đi lại khó khăn thì sản phẩm làm gia khó tiêu thụ hoặc tiêu thụ được với giá thấp, thu không đủ chi phí sản xuất, hàng hóa sẽ kém phát triển.

Để phát triển sản xuất, nhà nước cần có sự hỗ trợ đầu tư về cơ sở vật chất, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các cơ sở chế biến ở các vùng tập chung, chuyên canh, hình thành các trung tâm chế biến vừa và nhỏ, các chợ và các tụ điểm tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác cần có chính sách trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển công nghiệp chế biến tại chỗ, hướng dẫn việc ký kết hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp chế biến nông sản và tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức mở rộng ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn miền núi.

3.4. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn trong thu nhập của hộ nông dân tại xã Minh Hạc hiện nay

3.4.1. Thuận lợi

Xã Minh Hạc nằm trong huyện Hạ Hòa, người dân có truyền thống lao động cần cù và sớm được tiếp cận với văn hoá công nghiệp. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nên rất thích hợp phát triển các loại động thực vật á nhiệt đới, ôn đới và các loại cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, lâm nghiệp. Cùng với lượng nước phong phú, nhiệt độ nóng ẩm thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp đặc biệt là lúa, ngô, khoai, lạc, chè và các loại cây ăn quả khác. Đây thực sự là một cơ hội để các hộ nông dân trong xã có thể tập trung phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông lâm nghiệp từ đó nâng cao thu nhập.

Xã Minh Hạc nằm trên tuyến quốc lộ 32 theo trục kinh tế Hà Nội – Phú Thọ – Lai Châu – Sơn La, đây là thuận lợi lớn nhất để kinh tế của xã có cơ hội phát triển liên vùng.

Xã Minh Hạc có tiềm năng về tài nguyên: sắt, vật liệu xây dựng với các cụm, điểm công nghiệp phát triển tạo ra địa bàn hấp dẫn thu hút đầu tư.

Phát triển kinh tế hộ nông dân đang được các cấp chính quyền quan tâm:

từ Trung ương tới các tỉnh huyện xã công tác phát triển kinh tế hộ nông dân luôn được quan tâm, đầu tư. Chính phủ có những văn bản qui phạm về nông nghiệp nông thôn để thúc đẩy kinh tế hộ nông dân phát triển

Công nghệ ngày càng phát triển: KHCN ngày càng phát triển, nguồn thông tin dồi dào phong phú tạo điều kiện cho người dân giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm thông tin dễ dàng hơn.

3.4.2. Khó khăn

Trình độ lao động còn thấp, tập quán canh tác còn lạc hậu, công tác ứng dụng TBKT vào sản xuất còn nhiều hạn chế.

Kinh tế tăng trưởng khá song còn chậm so với mặt bằng chung và chưa tương xứng với tiềm năng của xã, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa có bước đột phá;

Nền kinh tế của xã phát triển dựa chủ yếu vào nông lâm nghiệp, trình độ lao động còn lạc hậu chưa đáp ứng được sản xuất. Hệ thống cơ sở hạ tầng còn thấp.

Trong nông nghiệp công tác chuyển giao ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất còn nhiều hạn chế, chưa tạo thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm còn thấp, chưa có nhiều mô hình sản xuất điển hình tiên tiến mang lại hiệu quả cao;

Tiến độ thực hiện một số đề án còn chậm, công nghiệp - TTCN chưa có chuyển biến tích cực, phần lớn các cơ sở sản xuất CN – TTCN và dịch vụ nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp;

Hệ thống thủy lợi xuống cấp, chưa đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu của sản xuất nông nghiệp;

Tình hình cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới ngày càng cao đòi hỏi các hộ nông dân phải không ngừng nắm bắt thông tin, có hướng sản xuất phù hợp tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

Công nghệ ngày càng phát triển: các thông tin đưa lên rất nhiều nhất là trên Internet dẫn tới thông tin bị loãng, không chính xác người dân phải có các

kỹ năng nhất định để khai thác sử dụng các công nghệ, thông tin cho hiệu quả.

3.5. Các giải pháp phát nâng cao thu nhập hộ nông dân xã Minh Hạc.

3.5.1. Nhóm giải pháp về đất đai

Từ kết quả nghiên cứu ta thấy những hộ nông dân có diện tích đất đai từ 2 ha trở lên chiếm 4% tổng số hộ trong xã nhưng những hộ nông dân này có nguồn thu nhập rất lớn 120 triệu đồng, những hộ này có nhiều đất họ biết áp dụng nhiều phương thức quản lý và biện pháp khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nên đem lại thu nhập cao. Đối với hộ nông dân có diện tích đất dưới 0,5 ha thì thu nhập thấp 50 triệu đồng, chủ yếu những hộ nông dân này là đồng bào người dân tộc ít người thừa hưởng đất đai của cha ông, do thiếu kiến thức và các biện pháp khoa học kỹ thuật nên mức thu nhập của các hộ nông dân này tương đối thấp. Vì vậy, để nâng cao thu nhập cho hộ nông dân cần.

Trước hết cần thực hiện triệt để chủ trương đổi mới về ruộng đất, thực hiện giao đất, giao rừng và chứng nhận quyền sở hữu lâu dài cho hộ nông dân, mà trước hết là đất nông nghiệp để tránh tình trạng xâm canh như hiện nay. Có như vậy các nông hộ mới yên tâm sản xuất và tập trung đầu tư trên đất đai được giao sử dụng lâu dài của mình.

Trong chính sách giao đất phải đi liền với quy hoạch cụ thể, sao cho các nông hộ có thể chuyên canh, thâm canh, không còn tình trạng sản xuất và đầu tư manh mún, không mang lại hiệu quả.

Đối với các hộ di cư lâu đời, có tiềm lực kinh tế đã tương đối ổn định trong đời sống và sản xuất thì cần: Tập trung đẩy mạnh thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện đa dạng hóa cây trồng nhằm tránh rủi ro, chuyển đổi mạnh mẽ cây trồng vật nuôi, nếu được quy hoạch vùng nguyên liệu thì bông có thể trở thành cây hàng hóa có giá trị kinh tế cao trên địa bàn xã.

3.5.2. Nhóm giải pháp về vốn

Từ kết quả nghiên cứu ta có thể thấy vốn của hộ nông dân chủ yếu đến từ nguồn vốn tự có chiếm hơn 45% tổng nguồn vốn, thực sự hộ nông dân vẫn chưa tiếp cận được những nguồn vốn vay ưu đãi. Nên nguồn thu nhập nông hộ còn hạn chế chưa phát huy hết được các thế mạnh. Vì vậy:

Cần có một cơ chế cho các nông hộ vay vốn phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, cụ thể phải là:

Cho vay đúng đối tượng: Đó là những đối tượng phải có nhu cầu thực sự để phát triển sản xuất, kiểm soát việc sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả, đặc biệt ưu tiên cho các hộ nghèo đói.

Áp dụng những hình thức thế chấp và lãi suất phù hợp: đối với những hộ giàu và trung bình cần có tài sản thế chấp hoặc vật tư đảm bảo một cách phù hợp, đối với nhóm hộ nghèo cần thực hiện chế độ tín dụng tài trợ, sử dụng hình thức cho vay thông qua các cơ sở quần chúng, như hội Phụ nữ, hội Nông dân... và cần có sự ưu đãi về lãi suất cho các hộ nông dân trong nhóm hộ này.

Tăng nguồn vốn cho vay: Phát triển mạnh mẽ hơn nữa quy trình cho vay đối với các hộ nông dân của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn. củng cố và phát triển các hợp tác xã tín dụng, tăng cường vốn vay dài hạn và trung hạn thông qua các chương trình phát triển kinh tế.

Cần có sự hướng dẫn và giúp đỡ các nông hộ sử dụng vốn vay có hiệu quả, với một mức vốn vay cụ thể đối với từng loại hộ mới mang lại hiệu quả tối ưu.

Phải ưu tiên vốn cho phát triển một cách có trọng điểm, căn cứ vào đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và kế hoạch dài hạn của địa phương và của vùng.

3.5.3. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Theo kết quả điều tra ta có thể thấy thu nhập của hộ nông dân cao nhất (120 triệu đồng) đến từ số hộ có trình độ học vấn từ 10-12/12 đạt 88% tổng số hộ. Hộ nông dân có trình độ học vấn từ 6-9/12 chiếm 12% tổng số hộ, những hộ này có mức thu nhập 55 triệu đồng. Do trình độ học vấn thấp, làm ăn manh mún

nhỏ lẻ, ngoài ra do không nắm bắt được thông tin cũng như các phương pháp kỹ thuật khoa học nên năng suất sản lượng còn thấp, nên thu nhập ở những hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn kém so với số hộ có trình độ học vấn cao.

Các giải pháp dạy nghề nông, du nhập nghề mới tạo nguồn nhân lực ngày càng có chất lượng phù hợp với yêu cầu phát triển một nền nông nghiệp chuyên canh đi đôi với phát triển tổng hợp, thâm canh dựa trên nền tảng kỹ thuật và công nghệ hiện đại phải được thực hiện từ chính qui hoạch đã xác định với cách làm nhất quán và có hệ thống.

3.5.4. Nhóm giải pháp về khoa học kỹ thuật

Trong điều kiện sản xuất phát triển theo hướng hàng hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật ngày càng có vai trò quan trọng và là động lực thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển. Khoa học kỹ thuật là chìa khóa phát triển nông nghiệp hiện đại. Người nông dân tiến hành sản xuất kinh doanh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật thì mới tăng nhanh được năng suất, nâng cao được chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường và đảm bảo có lợi.

Thay đổi chế độ canh tác còn lạc hậu, giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, đặc biệt là những giống cây con đặc sản (chẳng hạn như: lúa, ngô năng suất cao, lợn hướng nạc và vịt siêu trứng..). Thay đổi giống đi đôi với cải tiến hệ thống canh tác, công nghệ sau thu hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất cho các hộ nông dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số có một ý nghĩa to lớn trong phát triển kinh tế nông dân xã Minh Hạc và vùng đồi núi. Cần có chính sách hỗ trợ ưu đãi tín dụng trong việc triển khai những quy trình kỹ thuật mới đối với một số loại cây trồng vật nuôi ở vùng đồi núi. Thực tế điều tra kinh tế hộ nông dân ở xã Minh Hạc cho thấy tỷ lệ lao động được tập huấn kỹ thuật còn thấp. Để phát triển kinh tế hộ nông dân trong thời hiện nay phải coi trọng các biện pháp sau:

Tổ chức tốt các hoạt động khuyến nông, truyền bá tri thức, khoa học kỹ

thuật, kinh nghiệm ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp. Cần chuyển giao quy trình tới từng hộ nông dân bằng nhiều hình thức khác nhau, đồng thời giúp cho nông dân nắm được các thông tin về thị trường, giá cả nông sản phẩm để nông dân quyết định cơ cấu sản xuất của mình. Xây dựng mô hình trình diễn và làm điểm cho từng vùng, từng thôn bản, để tiếp nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật từ các viện nghiên cứu, trại thực nghiệm, các tổ chức khuyến nông cấp trên đến các hộ nông dân.

Cần có sự hỗ trợ của kỹ thuật chăn nuôi, dịch vụ thú y trên địa bàn để sản xuất ngành chăn nuôi của các nông hộ đem lại hiệu quả kinh tế cao, nhất là chăn nuôi đại gia súc đang rất thích hợp với điều kiện tự nhiên của vùng.

3.5.5. Nhóm giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn

Cơ sở hạ tầng là tiền đề để các nông hộ phát triển sản xuất hàng hóa, cơ sở của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Bao gồm điện, đường, trường, trạm, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Do vậy nhóm giải pháp này cần tập trung vào:

Hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn với quan điểm Nhà nước và nhân dân cùng làm, giao thông nông thôn có ý nghĩa rất quan trọng tư việc mở rộng thị trường và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Nhanh chóng hoàn thiện mạng lưới điện quốc gia đến các cụm dân cư. Nhu cầu của người dân có điện là hoàn toàn chính đáng, Lênin đã nói: “Chủ nghĩa xã hội là chính quyền Xô viết cộng với điện khí hoá toàn quốc”. Điều đó có nghĩa là kinh tế nông hộ phát triển, điện cần đi trước một bước, đối với đồng bào các dân tộc ở xã Minh Hạc.

Mở rộng các hệ thống thông tin liên lạc: kinh tế càng phát triển, yêu cầu lượng thông tin càng nhiều, cần sớm trang bị thông tin điện thoại, đặc biệt là các xã ở vùng đặc biệt khó khăn.

3.5.6. Nhóm giải pháp về chính sách

- Nhà nước và Chính quyền các cấp có chính sách trợ giá đầu vào cho sản xuất. Cung cấp các giống mới, vật tư nông nghiệp với giá ưu tiên hoặc ủng hộ cho các hộ nghèo, hình thức này cần được khuyến khích duy trì để thâm canh tăng năng suất đến chừng mực nào đó thì thôi trợ cấp, nông dân vẫn tiếp tục sử dụng để tăng sản lượng. Đây là mặt tích cực của chính sách hỗ trợ đầu vào, đặc biệt đối với kinh tế tiểu nông như hiện nay, tác động nhanh đến việc gia tăng sản lượng, giúp nông dân chuyển sang sản xuất hàng hóa thích ứng với thị trường.

- Có chính sách trợ giá đối với các sản phẩm do các nông hộ sản xuất ra như: Đảm bảo tiêu thụ sản phẩm với giá cả ổn định và đảm bảo có lợi cho họ, miễn thuế vài năm đầu cho các dịch vụ thương nghiệp nhằm tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do nhân dân địa phương làm ra.

- Cần giải quyết tốt các chế độ chính sách ở vùng sâu, vùng xa, cấp phát đủ số lượng, đúng đối tượng trong các chương trình xóa đói giảm nghèo.

- Tiếp tục triển khai chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý theo từng vùng chuyên canh. Phát triển chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm (trâu, bò, gia cầm, thủy sản...) và mở rộng mạng lưới dịch vụ hàng hóa.

- Tăng cường công tác dạy nghề và giải quyết việc làm. Phát triển tốt các nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, đan lát, dệt thổ cẩm, mây tre đan của đồng bào.

- Tiếp tục vận động nhân dân và các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trong và ngoài quốc doanh tham gia đóng góp quỹ xóa đói giảm nghèo.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động và hợp tác lao động trong và ngoài xã.

- Tiếp tục củng cố các tổ tương trợ hợp tác, hình thành các nhóm hộ giúp nhau, trao đổi học tập lẫn nhau trong sản xuất để tự vươn lên.

- Triển khai cuộc vận động xóa đói giảm nghèo gắn với thực hiện công trình dân số kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, xóa mù chữ và các chính sách xã hội khác.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế nông hộ có thể khẳng định rằng, kinh tế nông hộ là hình thức tổ chức sản xuất cơ sở trong nông, lâm, ngư nghiệp với mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hóa. Phát triển kinh tế nông hộ và nâng cao thu nhập cho hộ nông dân tại xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Thực trạng kinh tế nông hộ tại xã Minh Hạc hiện nay còn mang tính chất thuần nông. Nguồn gốc chủ nông hộ rất đa dạng (dân bản địa chiếm 63,6%, dân di dời và dân khai hoang chiếm 25,8%). Tuy nhiên các hộ dân đến khai hoang thường chịu khó làm ăn hơn hộ dân bản địa cho nên thu nhập của họ cũng khá hơn.

Tổng thu nhập của các hộ chủ yếu vẫn là từ sản xuất nông lâm nghiệp. Trong đó thu nhập từ ngành trồng trọt chiếm tỷ lệ cao nhất. Các hoạt động sản xuất ngoài nông nghiệp còn kém phát triển, thủ công nghiệp chưa được đầu tư chú trọng trong phát triển kinh tế. Trình độ học vấn của chủ hộ còn thấp, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, việc cơ giới hóa và áp dụng các tiến bộ khoa học vào trong sản xuất nông nghiệp còn chưa được đầu tư. Ngoài ra các hộ còn thiếu vốn để đầu tư phát triển sản xuất, và khó tiếp cận được các nguồn vốn vay.

Xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa là một trong những xã miền núi có tỷ lệ các hộ dân tộc thiểu số cao theo số liệu điều tra thì các hộ dân tộc thiểu số chiếm 30,8% trên tổng số. Thu nhập của các hộ này thường thấp hơn so với thu nhập của các hộ dân tộc kinh, họ cũng đầu tư ít hơn vào sản xuất, chủ yếu là các hộ thuần nông và sản xuất lâm nghiệp. Việc tỷ lệ các hộ dân tộc chiếm tỷ lệ cao cũng nảy sinh nhiều vấn đề trong việc giải quyết chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn.

Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật của chủ hộ còn thấp. Chủ hộ ít được tiếp cận với các kiến thức về khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Chủ yếu vẫn sản xuất bằng thủ công, cũng đã có một số nơi đưa máy móc vào sản xuất nhưng không đáng kể.

Nguồn thu nhập từ nông, lâm nghiệp là chủ yếu chiếm 83,1%, thu từ dịch vụ là 16,9%. Rừng là thế mạnh của vùng, nhưng chưa được chú ý khai thác, đất trồng đồi núi trọc vẫn còn nhiều, nguồn lợi thu nhập từ rừng chưa cao. Để nâng cao thu nhập cho hộ nông dân tại xã Minh Hạc hiện nay cần tăng cường đầu tư vốn cho hộ nông dân, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp, hoàn thiện công tác quy hoạch sử dụng đất, xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế chủ yếu trong nông thôn.

Đối với các hộ nông dân vùng đồi núi cao, vùng sinh thái cần hoàn thiện công tác giao đất giao rừng và đẩy mạnh phát triển nghề rừng kết hợp với chăn nuôi đại gia súc trong các hộ nông dân, vùng đồi núi cao trung bình đẩy mạnh công tác khuyến nông, lâm, dịch vụ kỹ thuật, vùng đồi núi thấp cần đẩy mạnh đầu tư thâm canh, giải quyết việc chuyển đổi ruộng đất, khắc phục ruộng đất manh mún.

Đối với những hộ nông dân nghèo, cần tổ chức hướng dẫn việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của hộ theo hướng hàng hóa. Phổ biến kỹ thuật đầu tư thâm canh giống mới, đẩy mạnh hoạt động khuyến nông xây dựng mô hình trình diễn, nâng cao kiến thức quản lý và khả năng nắm bắt thị trường.

Đối với hộ nông dân người dân tộc thiểu số, cần có những giải pháp riêng, ưu tiên, đồng thời nâng cao năng lực quản lý cộng đồng trong đồng bào dân tộc.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Kim Chung (1997), *Bài giảng kinh tế hộ*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
2. Đỗ Văn Viện và Đặng Văn Tiến (2000), *Bài giảng kinh tế hộ nông dân*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
3. UBND xã Minh Hạc (2017), *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế-xã hội*, xã Minh Hạc , huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ .
4. UBND xã Minh Hạc (2018), *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế-xã hội*, xã Minh Hạc , huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ .
5. UBND xã Minh Hạc (2019), *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế-xã hội*, xã Minh Hạc , huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ .
6. UBND xã Minh Hạc (2017), *Thống kê tình hình dân số, đất đai*, xã Minh Hạc , huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ .
7. UBND xã Minh Hạc (2018), *Thống kê tình hình dân số, đất đai*, xã Minh Hạc , huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ .
8. UBND xã Minh Hạc (2019), *Thống kê tình hình dân số, đất đai*, xã Minh Hạc , huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ .



PHỤ LỤC

PHIẾU ĐIỀU TRA HỘ NÔNG DÂN

A. Thông tin người được phỏng vấn

1. Họ và tên chủ hộ:
2. Tuổi: 3. Giới tính: 4. Dân tộc:
5. Địa chỉ :

B. Đặc điểm của hộ điều tra

6. Trình độ học vấn:
7. Số nhân khẩu trong hộ: người 8. Số lao động trong hộ: người
8. Nguồn gốc hộ gia đình:
- Dân bản địa ☐
- Từ nơi khác chuyển đến ☐ Đã chuyển đến được bao nhiêu năm:
9. Diện tích đất canh tác của hộ: m²

Phân bổ sử dụng:

- Đất nông nghiệp : m²
- Đất sản xuất lâm nghiệp: m²
- Đất ở và làm vườn: m²
- Khác: m²
10. Thu nhập trung bình của hộ trong 1 năm: triệu đồng.

Trong đó:

Thu nhập từ NLN:

- Trồng trọt: triệu đồng.
- Chăn nuôi: triệu đồng.
- Lâm nghiệp: triệu đồng.

Thu nhập từ ngoài NLN:

- Dịch vụ: triệu đồng
- SX hàng thủ công: triệu đồng
- Đi làm thuê: triệu đồng

Thu nhập từ các nguồn khác: triệu đồng

11. Chi phí sản xuất của hộ?

Chi phí sản xuất trong nông- lâm- nghiệp:

- Trồng trọt:triệu đồng.
- Chăn nuôi:triệu đồng.
- Lâm nghiệp:triệu đồng.

12. Phương thức tiêu thụ sản phẩm của hộ nông dân

- Bán buôn ☐ - Bán lẻ ☐

Sản phẩm nông nghiệp của các hộ:

Hình thức bán sản phẩm:

- Tại vườn ☐
- Tại nhà ☐
- Tại chợ ☐
- Tại điểm thu gom ☐

Đối tượng mua sản phẩm:

- Tư thương ☐
- Nhóm hộ chế biến ☐
- Nhà máy chế biến ☐

Thông tin giá cả

- Biết trước khi bán ☐
- Biết sau khi bán ☐

13. Tỷ lệ sử dụng vốn sản xuất của hộ trung bình trong 1 năm là bao nhiêu? (triệu đồng)

- Vốn tự có:.....
- Vốn Vay:.....
- Vốn từ các nguồn khác:.....

14. Xin cho biết những khó khăn của ông/bà trong quá trình sản xuất?.....

.....

15. Ông/bà có đề xuất gì đối với xã?.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

